

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

Độc lập- Tự do - Hạnh phúc

--- & ---



HỒ SƠ MỜI THẦU

Số hiệu gói thầu:

Tên gói thầu: PTV-Thuê hệ thống cấp khí LNG

Phát hành ngày: / /2025

Ban hành theo quyết định số: /QĐ-CNMB ngày / /2025

**CÔNG TY CỔ PHẦN CNG VIỆT NAM
CHI NHÁNH MIỀN BẮC**

MỤC LỤC

MÔ TẢ TÓM TẮT	2
PHẦN 1. THỦ TỤC ĐẤU THẦU	4
Chương I. CHỈ DẪN NHÀ THẦU	4
Chương II. BẢNG DỮ LIỆU ĐẤU THẦU	17
CHƯƠNG III. TIÊU CHUẨN ĐÁNH GIÁ HSDT	19
Chương IV. BIỂU MẪU DỰ THẦU.....	25
Chương V. YÊU CẦU VỀ KỸ THUẬT	40
Phần 3. DỰ THẢO HỢP ĐỒNG.....	46

MÔ TẢ TÓM TẮT

PHẦN 1. THỦ TỤC ĐẦU THẦU

Chương I. Chỉ dẫn nhà thầu

Chương này cung cấp thông tin nhằm giúp nhà thầu chuẩn bị HSDT. Thông tin bao gồm các quy định về việc chuẩn bị, nộp HSDT, mở thầu, đánh giá HSDT và trao hợp đồng. Chỉ được sử dụng mà không được sửa đổi các quy định tại Chương này.

Chương II. Bảng dữ liệu đấu thầu

Chương này quy định cụ thể các nội dung của Chương I.

Chương III. Tiêu chuẩn đánh giá hồ sơ dự thầu

Chương này bao gồm các tiêu chí để đánh giá HSDT, cụ thể:

- Mục 1: Kiểm tra và đánh giá tính hợp lệ của HSDT;
- Mục 2: Tiêu chuẩn đánh giá về năng lực, kinh nghiệm;
- Mục 3: Tiêu chuẩn đánh giá về kỹ thuật;
- Mục 4: Tiêu chuẩn đánh giá về tài chính.

Chương IV. Biểu mẫu mời thầu và dự thầu

Chương này bao gồm các biểu mẫu mà CNMB và nhà thầu sẽ phải hoàn chỉnh để thành một phần nội dung của HSMT và HSDT.

PHẦN 2. YÊU CẦU VỀ KỸ THUẬT

Chương V. Yêu cầu về kỹ thuật

Chương này bao gồm các yêu cầu về kỹ thuật, phạm vi, tiến độ cung cấp dịch vụ mà nhà thầu phải thực hiện.

PHẦN 3. DỰ THẢO HỢP ĐỒNG

Chương VI. Dự thảo hợp đồng

Chương này gồm các điều khoản cụ thể của hợp đồng. Các biểu mẫu mà sau khi được hoàn chỉnh sẽ trở thành một bộ phận cấu thành hợp đồng. Mẫu bảo lãnh thực hiện hợp đồng (Thư bảo lãnh) do nhà thầu trúng thầu hoàn chỉnh trước khi hợp đồng có hiệu lực.

TỪ NGỮ VIẾT TẮT

CDNT	Chỉ dẫn nhà thầu
BDL	Bảng dữ liệu đấu thầu
HSMT	Hồ sơ mời thầu
HSDT	Hồ sơ dự thầu
VND	Đồng Việt Nam
CNMB	Công ty CP CNG Việt Nam – Chi nhánh Miền Bắc

PHẦN 1. THỦ TỤC ĐẤU THẦU
Chương I. CHỈ DẪN NHÀ THẦU

<p>1. Phạm vi gói thầu</p>	<p>1.1. CNMB phát hành bộ HSMT này để lựa chọn nhà thầu thực hiện gói thầu dịch vụ phi tư vấn theo phương thức một giai đoạn một túi hồ sơ. 1.2. Tên gói thầu, số lượng, số hiệu gói thầu được quy định tại BDL. 1.3. Thời gian thực hiện gói thầu được quy định tại BDL.</p>
<p>2. Giải thích từ ngữ</p>	<p>2.1. Thời điểm đóng thầu là thời điểm hết hạn nhận HSDT và được quy định tại mục 19.1 CDNT 2.2. Ngày là ngày theo dương lịch, bao gồm cả ngày nghỉ cuối tuần, nghỉ lễ, nghỉ Tết theo quy định của pháp luật về lao động.</p>
<p>3. Nguồn vốn</p>	<p>Nguồn vốn để sử dụng cho gói thầu được quy định tại BDL.</p>
<p>4. Hành vi bị cấm</p>	<p>Các hành vi bị cấm trong hoạt động đấu thầu theo quy định tại Luật đấu thầu</p>
<p>5. Tư cách hợp lệ của nhà thầu</p>	<p>Nhà thầu là tổ chức có tư cách hợp lệ khi đáp ứng điều kiện sau đây: 5.1 Là Đơn vị trực thuộc của Tổng Công ty Khí Việt Nam – CTCP. 5.2. Nhà thầu không thuộc Khoản 1 Điều này đáp ứng điều kiện sau đây: a) Có đăng ký thành lập, hoạt động do cơ quan có thẩm quyền của nước mà nhà thầu đang hoạt động cấp; b) Hạch toán tài chính độc lập; c) Không đang trong quá trình giải thể hoặc đang trong quá trình thực hiện thủ tục giải thể hoặc bị thu hồi giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp; không thuộc trường hợp mất khả năng thanh toán theo quy định của pháp luật về phá sản hoặc pháp luật của nước mà nhà thầu được cấp Quyết định thành lập hoặc Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp hoặc các tài liệu tương đương khác; d) Không đang trong thời gian bị cấm tham dự thầu theo quy định của pháp luật về đấu thầu; e) Không đang bị truy cứu trách nhiệm hình sự; g) Có tên trong danh sách ngăn đối với trường hợp đã lựa chọn được danh sách ngắn. 5.3. Nhà thầu là hộ kinh doanh có tư cách hợp lệ khi đáp ứng đủ các điều kiện sau đây: a) Có giấy chứng nhận đăng ký hộ kinh doanh theo quy định của pháp luật; b) Không đang trong quá trình chấm dứt hoạt động hoặc bị thu hồi giấy chứng nhận đăng ký hộ kinh doanh; chủ hộ kinh doanh không đang bị truy cứu trách nhiệm hình sự; c) Đáp ứng điều kiện quy định tại các Điểm d và g Khoản 5.1 Mục 5 CDNT.</p>

<p>6. Nội dung của HSMT</p>	<p>6.1. HSMT bao gồm TBMT và Phần 1, Phần 2, Phần 3 cùng với tài liệu sửa đổi, làm rõ HSMT theo quy định tại Mục 7 CDNT (nếu có), trong đó bao gồm các nội dung sau đây:</p> <p>Phần 1. Thủ tục đấu thầu:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Chương I. Chỉ dẫn nhà thầu; - Chương II. Bảng dữ liệu đấu thầu; - Chương III. Tiêu chuẩn đánh giá HSDT; - Chương IV. Biểu mẫu mời thầu và dự thầu. <p>Phần 2. Yêu cầu về kỹ thuật:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Chương V. Yêu cầu về kỹ thuật. <p>Phần 3. Dự thảo hợp đồng:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Chương VI. Dự thảo hợp đồng. <p>6.2. CNMB không chịu trách nhiệm về tính chính xác, hoàn chỉnh của HSMT, tài liệu giải thích làm rõ HSMT hay các tài liệu sửa đổi HSMT theo quy định tại Mục 7 CDNT nếu các tài liệu này không được cung cấp bởi CNMB. HSMT do CNMB phát hành là cơ sở để xem xét, đánh giá.</p> <p>6.3. Nhà thầu phải nghiên cứu mọi thông tin của TBMT, HSMT và các nội dung sửa đổi, làm rõ HSMT, biên bản hội nghị tiền đấu thầu (nếu có) để chuẩn bị HSDT theo yêu cầu của HSMT cho phù hợp.</p>
<p>7. Phát hành, sửa đổi, làm rõ HSMT</p>	<p>7.1. HSMT được phát hành cho các nhà thầu tham gia lựa chọn nhà thầu rộng rãi trong nước.</p> <p>Thông tin được đăng tải trên trang web đấu thầu của CNG Việt Nam và phương tiện thông tin đại chúng.</p> <p>7.2. Trường hợp sửa đổi HSMT thì CNMB đăng tải quyết định sửa đổi kèm theo các nội dung sửa đổi và HSMT đã được sửa đổi cho phù hợp. Việc sửa đổi HSMT được thực hiện trong thời gian tối thiểu là 05 ngày làm việc trước ngày có thời điểm đóng thầu và bảo đảm đủ thời gian để nhà thầu hoàn chỉnh HSDT; trường hợp không bảo đảm đủ thời gian như nêu trên thì phải gia hạn thời điểm đóng thầu.</p> <p>7.3. Trường hợp cần làm rõ HSMT, Nhà thầu phải gửi đề nghị làm rõ đến CNMB trong thời hạn tối thiểu 03 ngày làm việc trước ngày có thời điểm đóng thầu để CNMB xem xét, xử lý. CNMB tiếp nhận nội dung làm rõ để xem xét, làm rõ theo đề nghị của nhà thầu và thực hiện làm rõ trong thời hạn tối thiểu 02 ngày làm việc trước ngày có thời điểm đóng thầu, trong đó mô tả nội dung yêu cầu làm rõ nhưng không nêu tên nhà thầu đề nghị làm rõ. Việc làm rõ HSMT được thực hiện theo một hoặc các hình thức sau đây:</p>

	<ul style="list-style-type: none"> – Gửi văn bản làm rõ cho các Nhà thầu đã nhận HSMT; – Nội dung làm rõ HSMT không trái với nội dung của HSMT đã duyệt. Trường hợp sau khi làm rõ HSMT dẫn đến phải sửa đổi HSMT thì việc sửa đổi HSMT thực hiện theo quy định tại mục 7.2 CDNT.
8. Chi phí dự thầu	HSMT được phát hành miễn phí ngay sau khi CNMB phát hành thành công TBMT. Nhà thầu phải chịu mọi chi phí liên quan đến quá trình tham dự thầu. Chi phí nộp HSĐT theo quy định tại BDL . Trong mọi trường hợp, CNMB không chịu trách nhiệm về các chi phí liên quan đến việc tham dự thầu của nhà thầu.
9. Ngôn ngữ của HSĐT	HSĐT cũng như tất cả văn bản và tài liệu liên quan đến HSĐT được viết bằng tiếng Việt. Các tài liệu bổ trợ trong HSĐT có thể được viết bằng ngôn ngữ khác, đồng thời kèm theo bản dịch sang tiếng Việt. Trường hợp thiếu bản dịch, CNMB có thể yêu cầu nhà thầu gửi bổ sung (nếu cần thiết).
10. Thành phần của HSĐT	HSĐT phải bao gồm các thành phần sau: 10.1. Đơn dự thầu theo quy định tại Mục 11 CDNT; 10.2. Bảo đảm dự thầu theo quy định tại Mục 18 CDNT; 10.3. Bản kê khai năng lực, kinh nghiệm của nhà thầu theo Mục 16 CDNT; 10.4. Đề xuất về kỹ thuật và các tài liệu theo quy định tại Mục 15 CDNT; 10.5. Đề xuất về tài chính và các bảng biểu được ghi đầy đủ thông tin theo quy định tại Mục 11 và Mục 13 CDNT.
11. Đơn dự thầu và các bảng biểu	Nhà thầu điền đầy đủ thông tin vào các Mẫu ở Chương IV. Nhà thầu kiểm tra thông tin trong đơn dự thầu và các bảng biểu để hoàn thành HSĐT.
12. Đề xuất phương án kỹ thuật thay thế trong HSĐT	Không áp dụng
13. Giá dự thầu và giảm giá	<p>13.1 Giá dự thầu ghi trong đơn và trong các bảng giá cùng với các khoản giảm giá phải đáp ứng các quy định trong Mục này:</p> <p>a) Giá dự thầu là giá do nhà thầu chào trong đơn dự thầu (chưa tính giảm giá), bao gồm toàn bộ các chi phí để thực hiện gói thầu.</p> <p>b) Trường hợp tại cột “đơn giá” nhà thầu ghi là “0” thì được coi là nhà thầu đã phân bổ giá của hạng mục công việc này vào hạng mục công việc khác thuộc gói thầu và sẽ không được CNMB thanh toán riêng, nhà thầu phải có trách nhiệm thực hiện tất cả các hạng mục công việc theo yêu cầu của HSMT đảm bảo chất lượng, tiến độ.</p> <p>c) Trường hợp nhà thầu có đề xuất giảm giá thì ghi tỷ lệ phần trăm giảm giá vào đơn dự thầu. Giá trị giảm giá này được hiểu là giảm</p>

	<p>đều theo tỷ lệ cho tất cả hạng mục trong các bảng giá dự thầu. Nếu có thư giảm giá riêng trong lúc mở thầu thì vẫn ghi nhận giảm giá. Đối với loại hợp đồng theo đơn giá cố định, hợp đồng theo đơn giá điều chỉnh, hợp đồng theo thời gian, giá trị giảm giá được tính trên giá dự thầu không bao gồm dự phòng.</p> <p>d) Nhà thầu phải nộp HSDT cho toàn bộ công việc yêu cầu trong HSMT và ghi đơn giá dự thầu cho tất cả các công việc nêu trong cột “Hạng mục cung cấp dịch vụ” theo Mẫu số 04 Chương IV.</p> <p>13.2. Nhà thầu phải chịu trách nhiệm về giá dự thầu để thực hiện, hoàn thành các công việc theo đúng yêu cầu nêu trong HSMT. Trường hợp nhà thầu có giá dự thầu, trừ đi giá trị giảm giá (nếu có) thấp khác thường, ảnh hưởng đến chất lượng gói thầu thì CNMB xử lý tình huống theo quy định luật hiện hành</p> <p>13.3. Giá dự thầu của nhà thầu phải bao gồm toàn bộ các khoản thuế, phí, lệ phí (nếu có) áp theo thuế suất, mức phí, lệ phí tại thời điểm 28 ngày trước ngày có thời điểm đóng thầu theo quy định. Trường hợp nhà thầu tuyên bố giá dự thầu không bao gồm thuế, phí, lệ phí (nếu có) thì HSDT của nhà thầu sẽ bị loại.</p>
14. Đồng tiền dự thầu và đồng tiền thanh toán	Đồng tiền dự thầu và đồng tiền thanh toán là VND.
15. Tài liệu chứng minh sự đáp ứng về kỹ thuật	<p>15.1. Để chứng minh sự đáp ứng của dịch vụ so với yêu cầu của HSMT, nhà thầu phải cung cấp các tài liệu là một phần của HSDT để chứng minh rằng các dịch vụ mà mình cung cấp phù hợp với các yêu cầu và tiêu chuẩn kỹ thuật quy định tại Chương V.</p> <p>15.2. Các tiêu chuẩn về cung cấp dịch vụ chỉ mang tính mô tả mà không nhằm mục đích hạn chế nhà thầu. Nhà thầu có thể đưa ra các tiêu chuẩn chất lượng dịch vụ khác với điều kiện chứng minh được với CNMB rằng những tiêu chuẩn thay thế này tương đương hoặc cao hơn so với những tiêu chuẩn quy định tại Chương V.</p>
16. Tài liệu chứng minh năng lực và kinh nghiệm của nhà thầu	Nhà thầu kê khai các thông tin cần thiết vào các Mẫu trong Chương IV để cung cấp thông tin về năng lực, kinh nghiệm theo yêu cầu tại Chương III. Nhà thầu phải chuẩn bị sẵn sàng các tài liệu gốc để xác minh khi có yêu cầu của CNMB.
17. Thời hạn có hiệu lực của HSDT	<p>17.1. HSDT có hiệu lực không ngắn hơn thời hạn quy định tại BDL.</p> <p>17.2. Trong trường hợp cần thiết, trước khi hết thời hạn hiệu lực của HSDT, CNMB có thể đề nghị các nhà thầu gia hạn hiệu lực của HSDT. Trong trường hợp này, nhà thầu phải gia hạn tương ứng thời gian có hiệu lực của bảo đảm dự thầu và không được thay</p>

	<p>đổi nội dung trong hồ sơ dự thầu đã nộp. Trường hợp nhà thầu từ chối gia hạn hiệu lực của bảo đảm dự thầu thì hồ sơ dự thầu sẽ không còn giá trị và bị loại, đồng thời bảo đảm dự thầu sẽ được giải tỏa cho nhà thầu trong thời hạn 14 ngày, kể từ ngày nhận được văn bản từ chối gia hạn. Nhà thầu chấp nhận đề nghị gia hạn HSDT không được phép thay đổi bất kỳ nội dung nào của HSDT, trừ việc gia hạn hiệu lực của bảo đảm dự thầu. Việc đề nghị gia hạn và chấp thuận hoặc không chấp thuận gia hạn được thực hiện bằng văn bản.</p>
<p>18. Bảo đảm dự thầu</p>	<p>18.1. Nhà thầu phải thực hiện biện pháp bảo đảm dự thầu trước thời điểm đóng thầu bằng chuyển khoản hoặc séc bảo chi hoặc thư bảo lãnh của tổ chức tín dụng trong nước, chi nhánh ngân hàng nước ngoài được thành lập theo pháp luật Việt Nam hoặc giấy chứng nhận bảo hiểm bảo lãnh của doanh nghiệp bảo hiểm phi nhân thọ nước ngoài được thành lập theo pháp luật Việt Nam.</p> <p>18.2. Trường hợp gia hạn thời gian có hiệu lực của hồ sơ dự thầu sau thời điểm đóng thầu, nhà thầu phải gia hạn tương ứng thời gian có hiệu lực của bảo đảm dự thầu và không được thay đổi nội dung trong hồ sơ dự thầu đã nộp.</p> <p>18.3. Giá trị, đồng tiền và thời gian có hiệu lực của bảo đảm dự thầu được quy định cụ thể tại BDL. Thời gian có hiệu lực của bảo đảm dự thầu được tính kể từ ngày có thời điểm đóng thầu đến ngày cuối cùng có hiệu lực của bảo đảm dự thầu (thời điểm kết thúc hiệu lực của bảo đảm dự thầu nằm trong ngày cuối cùng có hiệu lực của bảo đảm dự thầu mà không cần thiết phải đến hết 24 giờ của ngày đó).</p> <p>18.4. Bảo đảm dự thầu được coi là không hợp lệ khi thuộc một trong các trường hợp sau đây: có giá trị thấp hơn, thời gian có hiệu lực ngắn hơn so với yêu cầu quy định tại Mục 18.3 CDNT, không đúng tên đơn vị thụ hưởng, không phải là bản gốc và không có chữ ký hợp lệ, ký trước khi CNMB phát hành HSMT, có kèm theo các điều kiện gây bất lợi cho CNMB (trong đó bao gồm việc không đáp ứng đủ các cam kết theo quy định tại Mẫu số 03 Chương IV).</p> <p>18.5. Nhà thầu không được lựa chọn sẽ được hoàn trả hoặc giải tỏa bảo đảm dự thầu theo thời hạn quy định BDL. Đối với nhà thầu được lựa chọn, bảo đảm dự thầu được hoàn trả hoặc giải tỏa khi hợp đồng có hiệu lực.</p>
<p>19. Thời điểm đóng thầu</p>	<p>19.1. Nhà thầu nộp trực tiếp hoặc gửi HSDT đến địa chỉ của CNMB nhưng phải bảo đảm CNMB nhận được trước thời điểm đóng thầu theo quy định tại BDL.</p> <p>19.2. CNMB có thể gia hạn thời điểm đóng thầu bằng cách sửa đổi</p>

	<p>TBMT. Khi gia hạn thời điểm đóng thầu, mọi trách nhiệm của CNMB và nhà thầu theo thời điểm đóng thầu trước đó sẽ được thay đổi theo thời điểm đóng thầu mới được gia hạn.</p> <p>19.3. CNMB tiếp nhận HSDT của tất cả các nhà thầu nộp HSDT trước thời điểm đóng thầu, kể cả trường hợp nhà thầu tham dự thầu chưa mua hoặc chưa nhận HSMT trực tiếp từ CNMB.</p>
<p>20. Nộp, rút và sửa đổi HSDT</p>	<p>20.1. Nộp HSDT: Nhà thầu phải chuẩn bị 01 bản gốc cùng 01 bản chụp HSDT đồng thời ghi bên ngoài hồ sơ và túi đựng tương ứng là “BẢN GỐC HỒ SƠ DỰ THẦU”, “BẢN CHỤP HỒ SƠ DỰ THẦU”.</p> <p>- Trường hợp sửa đổi, thay thế HSDT thì nhà thầu phải chuẩn bị 01 bản gốc và các bản chụp hồ sơ sửa đổi, thay thế với số lượng bằng số lượng bản chụp HSDT đã nộp. Trên trang bìa của các hồ sơ và túi đựng tương ứng phải ghi rõ “BẢN GỐC HỒ SƠ DỰ THẦU SỬA ĐỔI”, “BẢN CHỤP HỒ SƠ DỰ THẦU SỬA ĐỔI”, “BẢN GỐC HỒ SƠ DỰ THẦU THAY THẾ”, “BẢN CHỤP HỒ SƠ DỰ THẦU THAY THẾ”.</p> <p>20.2. Nhà thầu phải chịu trách nhiệm về tính thống nhất giữa bản gốc và bản chụp. Trường hợp có sự sai khác giữa bản gốc và bản chụp nhưng không làm thay đổi thứ tự xếp hạng nhà thầu thì căn cứ vào bản gốc để đánh giá. Trường hợp có sự sai khác giữa bản gốc và bản chụp dẫn đến kết quả đánh giá trên bản gốc khác kết quả đánh giá trên bản chụp, làm thay đổi thứ tự xếp hạng nhà thầu thì HSDT của nhà thầu bị loại.</p> <p>20.3. Bản gốc của HSDT phải được đánh máy hoặc viết bằng mực không phai, đánh số trang theo thứ tự liên tục. Đơn dự thầu, thư giảm giá (nếu có), các văn bản bổ sung, làm rõ HSDT, bảng giá và các biểu mẫu khác tại Chương IV - Biểu mẫu dự thầu phải được đại diện hợp pháp của nhà thầu hoặc người được ủy quyền hợp pháp ký tên và đóng dấu (nếu có), trường hợp ủy quyền phải có giấy ủy quyền theo Mẫu số 02 Chương IV - Biểu mẫu dự thầu hoặc bản chụp Điều lệ công ty, Quyết định thành lập chi nhánh được chứng thực hoặc các tài liệu khác chứng minh thẩm quyền của người được ủy quyền và được nộp cùng với HSDT.</p> <p>20.4. Sửa đổi, nộp lại HSDT: Trường hợp cần sửa đổi HSDT đã nộp, nhà thầu phải tiến hành rút toàn bộ HSDT đã nộp trước đó để sửa đổi cho phù hợp. Sau khi hoàn thiện HSDT, nhà thầu tiến hành nộp lại HSDT mới. Trường hợp nhà thầu đã nộp HSDT trước khi CNMB thực hiện sửa đổi HSMT (nếu có) thì nhà thầu phải nộp lại HSDT mới phù hợp với HSMT đã được sửa đổi.</p> <p>20.5. Rút HSDT: Sau khi nộp, nhà thầu có thể rút lại HSDT bằng cách gửi văn bản thông báo có chữ ký của người đại diện hợp pháp của nhà thầu đến CNMB trước thời điểm đóng thầu. HSDT mà nhà thầu yêu cầu rút lại sẽ được trả lại nguyên trạng cho nhà thầu.</p> <p>20.6. Nhà thầu chỉ được rút, sửa đổi, nộp lại HSDT trước thời điểm</p>

	<p>đóng thầu. Sau thời điểm đóng thầu, tất cả các HSDT nộp thành công đều được mở thầu để đánh giá.</p>
21. Mở thầu	<p>21.1. CNMB tiến hành mở công khai HSDT của các nhà thầu vào lúc 16 giờ 30 phút ngày 05 tháng 01 năm 2026 tại Công ty Cổ phần CNG Việt Nam – Chi nhánh Miền Bắc trước sự chứng kiến của các nhà thầu tham dự lễ mở thầu. Việc mở thầu không phụ thuộc vào sự có mặt hay vắng mặt của các nhà thầu.</p> <p>21.2. Việc mở thầu được thực hiện đối với từng HSDT theo thứ tự chữ cái tên của nhà thầu và theo trình tự sau đây:</p> <p>a) Yêu cầu đại diện từng nhà thầu tham dự mở thầu xác nhận việc có hay không có thư giảm giá kèm theo HSDT của mình;</p> <p>b) Kiểm tra niêm phong;</p> <p>c) Mở bản gốc HSDT và đọc rõ các thông tin về: tên nhà thầu, số lượng bản gốc, bản chụp hồ sơ, Giá dự thầu ghi trong đơn dự thầu, giá trị giảm giá (nếu có), thời gian có hiệu lực của HSDT, thời gian thực hiện hợp đồng, giá trị, hiệu lực của bảo đảm dự thầu, các thông tin khác liên quan. Chỉ những thông tin về giảm giá được đọc trong lễ mở thầu mới được tiếp tục xem xét và đánh giá.</p> <p>21.3. Biên bản mở thầu: các thông tin nêu tại Khoản 2, Mục này phải được ghi vào Biên bản mở thầu. Biên bản mở thầu phải được ký xác nhận bởi đại diện của CNMB và các nhà thầu tham dự lễ mở thầu. Biên bản này phải được gửi cho các nhà thầu tham dự thầu.</p> <p>21.4. Đại diện của CNMB phải ký xác nhận vào bản gốc đơn dự thầu, thư giảm giá (nếu có), giấy ủy quyền theo pháp luật của nhà thầu (nếu có), các nội dung đề xuất về tài chính và các nội dung quan trọng khác của HSDT.</p>
22. Bảo mật	<p>22.1. Thông tin liên quan đến việc đánh giá HSDT và đề nghị trao hợp đồng phải được giữ bí mật và không được phép tiết lộ cho các nhà thầu hay bất kỳ người nào không có liên quan chính thức đến quá trình lựa chọn nhà thầu cho tới khi công khai kết quả lựa chọn nhà thầu. Trong mọi trường hợp không được tiết lộ thông tin trong HSDT của nhà thầu này cho nhà thầu khác, trừ thông tin được công khai trong biên bản mở thầu.</p> <p>22.2. Trừ trường hợp làm rõ HSDT (nếu cần thiết) và đối chiếu tài liệu, nhà thầu không được phép tiếp xúc với CNMB, CNMB về các vấn đề liên quan đến HSDT của mình và các vấn đề khác liên quan đến gói thầu trong suốt thời gian từ khi mở thầu cho đến khi công khai kết quả lựa chọn nhà thầu.</p>
23. Làm rõ HSDT	<p>23.1. Sau khi mở thầu, nhà thầu có trách nhiệm làm rõ HSDT theo yêu cầu của CNMB. Trường hợp HSDT của nhà thầu thiếu tài liệu chứng minh tư cách hợp lệ, năng lực và kinh nghiệm thì CNMB yêu cầu nhà thầu làm rõ, bổ sung tài liệu để chứng minh tư cách hợp lệ,</p>

	<p>năng lực và kinh nghiệm. Đối với các nội dung đề xuất về kỹ thuật, tài chính nêu trong HSDT của nhà thầu, việc làm rõ phải bảo đảm nguyên tắc không làm thay đổi nội dung cơ bản của HSDT đã nộp, không thay đổi giá dự thầu.</p> <p>23.2. Trường hợp sau khi đóng thầu, nếu nhà thầu phát hiện HSDT thiếu các tài liệu chứng minh tư cách hợp lệ, năng lực và kinh nghiệm thì nhà thầu được phép gửi tài liệu đến để làm rõ về tư cách hợp lệ, năng lực và kinh nghiệm của mình trong vòng 03 ngày làm việc, kể từ ngày đóng thầu. CNMB có trách nhiệm tiếp nhận những tài liệu làm rõ của nhà thầu để xem xét, đánh giá; các tài liệu bổ sung, làm rõ về tư cách hợp lệ, năng lực và kinh nghiệm được coi như một phần của HSDT.</p> <p>23.3. Việc làm rõ HSDT chỉ được thực hiện giữa CNMB và nhà thầu có HSDT cần phải làm rõ và phải bảo đảm nguyên tắc không làm thay đổi bản chất của nhà thầu tham dự thầu. Nội dung làm rõ HSDT phải thể hiện bằng văn bản và được CNMB bảo quản như một phần của HSDT.</p> <p>23.4. Đối với các nội dung làm rõ ảnh hưởng trực tiếp đến việc đánh giá tư cách hợp lệ, năng lực, kinh nghiệm và yêu cầu về kỹ thuật, tài chính, nếu quá thời hạn làm rõ mà nhà thầu không thực hiện làm rõ hoặc có thực hiện làm rõ nhưng không đáp ứng được yêu cầu làm rõ của CNMB thì CNMB sẽ đánh giá HSDT của nhà thầu theo HSDT nộp trước thời điểm đóng thầu. CNMB phải dành cho nhà thầu một khoảng thời gian hợp lý để nhà thầu thực hiện việc làm rõ HSDT.</p> <p>23.5. Trường hợp có sự không thống nhất trong nội dung của HSDT hoặc có nội dung chưa rõ thì CNMB yêu cầu nhà thầu làm rõ trên cơ sở tuân thủ quy định tại Mục 23.1 CDNT.</p> <p>23.6. Trường hợp HSMT có yêu cầu về cam kết, hợp đồng nguyên tắc thuê thiết bị, máy móc, bảo hành, bảo trì, duy tu, bảo dưỡng mà HSDT không đính kèm các tài liệu này thì CNMB yêu cầu nhà thầu làm rõ HSDT, bổ sung tài liệu trong một khoảng thời gian phù hợp nhưng không ít hơn 03 ngày làm việc để làm cơ sở đánh giá HSDT.</p>
<p>24. Các sai khác, đặt điều kiện và bỏ sót nội dung</p>	<p>24.1. “Sai khác” là các khác biệt so với yêu cầu nêu trong HSMT.</p> <p>24.2. “Đặt điều kiện” là việc đặt ra các điều kiện có tính hạn chế hoặc thể hiện sự không chấp nhận hoàn toàn đối với các yêu cầu nêu trong HSMT.</p> <p>24.3. “Bỏ sót nội dung” là việc nhà thầu không cung cấp được một phần hoặc toàn bộ thông tin hay tài liệu theo yêu cầu nêu trong HSMT.</p>
<p>25. Xác định tính đáp ứng</p>	<p>25.1. CNMB sẽ xác định tính đáp ứng của HSDT dựa trên nội</p>

<p>của HSDT</p>	<p>dung của HSDT theo quy định tại Mục 10 CDNT.</p> <p>25.2. HSDT đáp ứng cơ bản là HSDT đáp ứng các yêu cầu nêu trong HSMT mà không có các sai khác, đặt điều kiện hoặc bỏ sót nội dung cơ bản. Sai khác, đặt điều kiện hoặc bỏ sót nội dung cơ bản nghĩa là những điểm trong HSDT mà:</p> <p>a) Nếu được chấp nhận thì sẽ gây ảnh hưởng đáng kể đến phạm vi, chất lượng hay hiệu quả sử dụng của dịch vụ được quy định trong hợp đồng; gây hạn chế đáng kể và không thống nhất với HSMT đối với quyền hạn của CNMB hoặc nghĩa vụ của nhà thầu trong hợp đồng;</p> <p>b) Nếu được sửa lại thì sẽ gây ảnh hưởng không công bằng đến vị thế cạnh tranh của nhà thầu khác có HSDT đáp ứng cơ bản yêu cầu nêu trong HSMT.</p> <p>25.3. CNMB phải kiểm tra các khía cạnh kỹ thuật của HSDT theo quy định tại Mục 15 CDNT nhằm khẳng định rằng tất cả các yêu cầu nêu trong Phần 2 – Yêu cầu về kỹ thuật đã được đáp ứng và HSDT không có những sai khác, đặt điều kiện hoặc bỏ sót các nội dung cơ bản.</p> <p>25.4. Nếu HSDT không đáp ứng cơ bản các yêu cầu nêu trong HSMT thì HSDT đó sẽ bị loại; không được phép sửa đổi các sai khác, đặt điều kiện hoặc bỏ sót nội dung cơ bản trong HSDT nhằm làm cho HSDT đó đáp ứng cơ bản HSMT.</p>
<p>26. Sai sót không nghiêm trọng</p>	<p>26.1. Với điều kiện HSDT đáp ứng cơ bản yêu cầu nêu trong HSMT thì tổ chuyên gia có thể chấp nhận các sai sót mà không phải là những sai khác, đặt điều kiện hay bỏ sót nội dung cơ bản trong HSDT.</p> <p>26.2. Với điều kiện HSDT đáp ứng cơ bản yêu cầu nêu trong HSMT, CNMB, tổ chuyên gia có thể yêu cầu nhà thầu cung cấp các thông tin hoặc tài liệu cần thiết trong thời hạn hợp lý để sửa chữa những điểm chưa phù hợp hoặc sai sót không nghiêm trọng trong HSDT liên quan đến các yêu cầu về tài liệu. Yêu cầu cung cấp các thông tin và các tài liệu để khắc phục các sai sót này không được liên quan đến bất kỳ yếu tố nào của giá dự thầu. HSDT của nhà thầu bị loại nếu không đáp ứng yêu cầu này của CNMB.</p> <p>26.3. Với điều kiện HSDT đáp ứng cơ bản yêu cầu nêu trong HSMT, CNMB, tổ chuyên gia điều chỉnh các sai sót không nghiêm trọng và có thể định lượng được liên quan đến giá dự thầu; giá dự thầu sẽ được điều chỉnh để phản ánh chi phí cho các hạng mục bị thiếu hoặc chưa đáp ứng yêu cầu; việc điều chỉnh này chỉ nhằm mục đích so sánh các HSDT.</p>
<p>27. Nhà thầu phụ và Nhà thầu liên danh</p>	<p>Không áp dụng.</p>

28. Ưu đãi trong lựa chọn nhà thầu	Không áp dụng.
29. Đánh giá HSDT	<p>29.1. CNMB áp dụng phương pháp đánh giá theo quy định tại BDL để đánh giá HSDT.</p> <p>29.2. Căn cứ vào HSDT của các nhà thầu đã nộp và phương pháp đánh giá HSDT tại Mục 29.1 CDNT, CNMB tiến hành đánh giá HSDT theo các bước sau:</p> <p>a) Bước 1: Đánh giá tính hợp lệ theo quy định tại Mục 1 Chương III</p> <p>b) Bước 2: Đánh giá về năng lực và kinh nghiệm theo quy định tại Mục 2 Chương III</p> <p>c) Bước 3: Đánh giá về kỹ thuật theo quy định tại Mục 3 Chương III. Nhà thầu được đánh giá là đạt về kỹ thuật thì được chuyển sang đánh giá về tài chính.</p> <p>d) Bước 4: Đánh giá về tài chính theo quy định tại Mục 4 Chương III.</p> <p>đ) Bước 5: Sau khi đánh giá về tài chính, việc xếp hạng nhà thầu thực hiện theo quy định tại BDL. Trường hợp chỉ có một nhà thầu vượt qua bước đánh giá về tài chính thì không cần phải xếp hạng nhà thầu.</p> <p>29. 3. Nguyên tắc đánh giá HSDT:</p> <p>a) Trường hợp các hợp đồng mà nhà thầu kê khai, đính kèm trong HSDT không đáp ứng yêu cầu của HSMT hoặc nhà thầu không kê khai, kê khai không đầy đủ hợp đồng tương tự, CNMB yêu cầu nhà thầu làm rõ, bổ sung hợp đồng khác) để đáp ứng yêu cầu của HSMT trong một khoảng thời gian phù hợp nhưng không ít hơn 03 ngày làm việc. Trường hợp nhà thầu không có hợp đồng đáp ứng yêu cầu của HSMT thì nhà thầu bị loại;</p> <p>b) Đối với các nội dung ngoài các nội dung nêu tại điểm a khoản này, trường hợp có sự không thống nhất giữa thông tin kê khai và file đính kèm thì thông tin là cơ sở để xem xét, đánh giá;</p>
30. Đối chiếu tài liệu	Nhà thầu phải chuẩn bị đầy đủ hồ sơ gốc khi được CNMB yêu cầu đối chiếu tài liệu.
31. Điều kiện xét duyệt trúng thầu	<p>Nhà thầu được xem xét, đề nghị trúng thầu khi đáp ứng đủ các điều kiện sau đây:</p> <p>31.1. Có HSDT hợp lệ theo quy định tại Mục 1 Chương III.</p> <p>31.2. Có năng lực và kinh nghiệm đáp ứng yêu cầu theo quy định tại Mục 2 Chương III.</p> <p>31.3. Có đề xuất về kỹ thuật đáp ứng yêu cầu theo quy định tại Mục 3 Chương III.</p>

	<p>31.4. Đáp ứng điều kiện theo quy định tại BDL.</p> <p>31.5. Có giá đề nghị trúng thầu (đã bao gồm thuế, phí, lệ phí (nếu có)) không vượt giá gói thầu để làm căn cứ xét duyệt trúng thầu theo quy định tại BDL.</p>
<p>32. Hủy thầu</p>	<p>32.1. Các trường hợp hủy thầu bao gồm:</p> <ul style="list-style-type: none"> a) Tất cả HSDT không đáp ứng được các yêu cầu của HSMT; b) Thay đổi về mục tiêu, phạm vi mua sắm làm thay đổi khối lượng công việc, tiêu chuẩn đánh giá đã quy định trong HSMT; c) HSMT không tuân thủ quy định của Luật Đấu thầu, quy định khác của pháp luật có liên quan dẫn đến nhà thầu được lựa chọn không đáp ứng yêu cầu để thực hiện gói thầu; d) Giá dự thầu sau sửa lỗi, hiệu chỉnh sai lệch, trừ đi giá trị giảm giá của tất cả các nhà thầu đáp ứng yêu cầu về mặt kỹ thuật cao bất thường so với dự toán gói thầu được duyệt mà CNMB xét thấy không cần thiết xử lý tình huống theo quy định; đ) Nhà thầu trúng thầu thực hiện hành vi bị cấm quy định tại Điều 16 của Luật Đấu thầu; e) Tổ chức, cá nhân khác ngoài nhà thầu trúng thầu thực hiện hành vi bị cấm vận dụng theo quy định tại Điều 16 của Luật Đấu thầu dẫn đến sai lệch kết quả lựa chọn nhà thầu; f) Thay đổi kế hoạch mua sắm, nhu cầu mua sắm, kế hoạch sản xuất kinh doanh của Công ty. <p>32.2. Tổ chức, cá nhân vi phạm quy định pháp luật về đấu thầu dẫn đến hủy thầu theo quy định tại các điểm c, đ và e Mục 32.1 CDNT phải đền bù chi phí cho các bên liên quan và bị xử lý theo quy định của pháp luật.</p> <p>32.3. Trường hợp hủy thầu theo quy định tại Mục này, trong thời hạn 05 ngày làm việc, CNMB phải hoàn trả hoặc giải toả bảo đảm dự thầu cho nhà thầu đã nộp bản gốc bảo đảm dự thầu, trừ trường hợp nhà thầu vi phạm quy định tại điểm đ và điểm e Mục 32.1 CDNT.</p>
<p>33. Thông báo kết quả lựa chọn nhà thầu</p>	<p>33.1. CNMB đăng tải thông báo kết quả lựa chọn nhà thầu trên trang web đấu thầu của CNG Việt Nam và phương tiện thông tin đại chúng trong 07 ngày làm việc, kể từ ngày phê duyệt kết quả lựa chọn nhà thầu bao gồm các nội dung sau:</p> <ul style="list-style-type: none"> a. Tên nhà thầu trúng thầu; b. Giá trúng thầu; c. Loại hợp đồng; d. Thời gian thực hiện hợp đồng; e. Thời gian thực hiện gói thầu;

	<p>f. Các nội dung cần lưu ý (nếu có).</p> <p>33.2. CNMB gửi văn bản thông báo kết quả lựa chọn nhà thầu cho các nhà thầu tham dự thầu, trong nội dung văn bản thông báo bao gồm các nội dung sau đây:</p> <ul style="list-style-type: none"> a. Thông tin quy định tại điểm a,b,c,d Khoản 1 điều này b. Danh sách nhà thầu không được lựa chọn và tóm tắt về lý do không được lựa chọn của từng nhà thầu; c. Kế hoạch hoàn thiện và ký kết hợp đồng với nhà thầu được lựa chọn. <p>33.3. Trường hợp có yêu cầu giải thích lý do cụ thể nhà thầu không trúng thầu, nhà thầu gửi đề nghị hoặc gặp trực tiếp CNMB. CNMB có trách nhiệm trả lời yêu cầu của nhà thầu trong thời hạn 02 ngày làm việc kể từ ngày nhận được yêu cầu của nhà thầu.</p> <p>33.4. Trường hợp hủy thầu theo quy định tại điểm a Mục 32.1 CDNT, trong thông báo kết quả lựa chọn nhà thầu và phải nêu rõ lý do hủy thầu.</p>
34. Thay đổi khối lượng dịch vụ	Không áp dụng
35. Thông báo chấp thuận HSDT và trao hợp đồng	Không áp dụng
36. Điều kiện ký kết hợp đồng	<p>36.1. Tại thời điểm ký kết hợp đồng, HSDT của nhà thầu được lựa chọn còn hiệu lực.</p> <p>36.2. Tại thời điểm ký kết hợp đồng, nhà thầu được lựa chọn phải bảo đảm đáp ứng yêu cầu về năng lực kỹ thuật, tài chính để thực hiện gói thầu theo yêu cầu của HSMT. Trường hợp thực tế nhà thầu không còn đáp ứng cơ bản yêu cầu về năng lực kỹ thuật, tài chính theo quy định nêu trong HSMT thì CNMB sẽ từ chối ký kết hợp đồng với nhà thầu. CNMB sẽ hủy quyết định phê duyệt kết quả lựa chọn nhà thầu, thông báo chấp thuận HSDT và trao hợp đồng trước đó và mời nhà thầu xếp hạng tiếp theo vào thương thảo.</p> <p>36.3. CNMB phải bảo đảm các điều kiện về vốn tạm ứng, vốn thanh toán và các điều kiện cần thiết khác để triển khai thực hiện gói thầu theo đúng tiến độ.</p>
37. Bảo đảm thực hiện hợp đồng	<p>37.1. Trước khi ký kết hợp đồng hoặc trước thời điểm hợp đồng có hiệu lực, nhà thầu trúng thầu phải thực hiện biện pháp bảo đảm thực hiện hợp đồng theo quy định tại Điều 5 Chương VI. Trường hợp áp dụng bảo lãnh thực hiện hợp đồng phải sử dụng mẫu tại Phụ lục 5 Chương VI hoặc một mẫu khác được CNMB chấp</p>

	<p>thuận.</p> <p>37.2. Nhà thầu không được hoàn trả bảo đảm thực hiện hợp đồng trong trường hợp sau đây:</p> <p>a) Từ chối thực hiện hợp đồng khi hợp đồng có hiệu lực;</p> <p>b) Vi phạm thỏa thuận trong hợp đồng;</p> <p>c) Thực hiện hợp đồng chậm tiến độ do lỗi của mình nhưng từ chối gia hạn hiệu lực của bảo đảm thực hiện hợp đồng.</p>
38. Giải quyết kiến nghị trong đấu thầu	<p>38.1. Khi thấy quyền và lợi ích hợp pháp bị ảnh hưởng, nhà thầu, cơ quan, tổ chức được kiến nghị người có thẩm quyền, CNMB xem xét lại các vấn đề trong quá trình lựa chọn nhà thầu, kết quả lựa chọn nhà thầu theo quy định tại Luật Đấu thầu hiện hành.</p> <p>38.2. Trường hợp kiến nghị lên CNMB, nhà thầu, cơ quan, tổ chức gửi kiến nghị đến địa chỉ nhận đơn kiến nghị của CNMB. Trường hợp kiến nghị lên Người có thẩm quyền, nhà thầu gửi kiến nghị theo địa chỉ quy định tại BDL.</p>
39. Giám sát quá trình lựa chọn nhà thầu	<p>Khi phát hiện hành vi, nội dung không phù hợp quy định của pháp luật đấu thầu, nhà thầu có trách nhiệm thông báo cho tổ chức, cá nhân thực hiện nhiệm vụ giám sát theo quy định tại BDL.</p>

Chương II. BẢNG DỮ LIỆU ĐẦU THẦU

CDNT 1.2	Tên gói thầu: PTV-Thuê hệ thống cấp khí LNG.
CDNT 1.3	Thời gian thực hiện gói thầu: 60 tháng kể từ ngày hợp đồng có hiệu lực.
CDNT 3	Nguồn vốn: Vốn Sản xuất kinh doanh.
CDNT 8	Chi phí nộp HSDT: Miễn phí
CDNT 10.6	Nhà thầu phải nộp cùng với HSDT các tài liệu sau đây: Không yêu cầu
CDNT 17.1	Thời hạn hiệu lực của HSDT là: ≥ 40 ngày , kể từ ngày có thời điểm đóng thầu.
CDNT 18.3	Nội dung bảo đảm dự thầu: - Giá trị bảo đảm dự thầu: 121.000.000 VNĐ (Bằng chữ: Một trăm hai mươi một triệu đồng chẵn). - Thời gian có hiệu lực của bảo đảm dự thầu: ≥ 70 ngày , kể từ ngày có thời điểm đóng thầu.
CDNT 18.5	Thời gian hoàn trả hoặc giải tỏa bảo đảm dự thầu đối với nhà thầu không được lựa chọn: 14 ngày , kể từ ngày kết quả lựa chọn nhà thầu được phê duyệt.
CDNT 19.1	Thời điểm đóng thầu: 16 giờ 00 phút, ngày 05 tháng 01 năm 2026
CDNT 21.1	Việc mở HSDT sẽ được tiến hành công khai vào lúc 16 giờ 30 phút, ngày 05 tháng 01 năm 2026 tại Công ty Cổ phần CNG Việt Nam – Chi nhánh Miền Bắc, Tầng 21, tòa nhà CEO, lô HH2-1, đường Phạm Hùng, phường Yên Hoà, TP Hà Nội.
CDNT 29.1	Phương pháp đánh giá HSDT là: - Đánh giá về năng lực và kinh nghiệm: Đạt / Không đạt. - Đánh giá về kỹ thuật: <i>áp dụng phương pháp</i> “Đạt / Không đạt”. - Đánh giá về tài chính: <i>phương pháp giá thấp nhất, với tiêu chuẩn đánh giá quy định tại Chương III.</i>
CDNT 29.2 (đ)	Xếp hạng nhà thầu: - <i>Chọn phương pháp giá thấp nhất:</i> Nhà thầu có giá dự thầu sau sửa lỗi, hiệu chỉnh sai lệch trừ đi giá trị giảm giá (nếu có) thấp nhất được xếp hạng thứ nhất;
CDNT 31.5	- <i>Phương pháp giá thấp nhất:</i> “Nhà thầu có giá dự thầu sau sửa lỗi, hiệu chỉnh sai lệch, trừ đi giá trị giảm giá (nếu có) thấp nhất”;
CDNT 31.6	Giá gói thầu để làm căn cứ xét duyệt trúng thầu: giá gói thầu được phê duyệt trong kế hoạch lựa chọn nhà thầu. Trường hợp dự toán của gói

	thầu được phê duyệt thấp hơn hoặc cao hơn giá gói thầu được phê duyệt thì dự toán này sẽ thay thế giá gói thầu để làm cơ sở xét duyệt trúng thầu".
CDNT 38.2	<p>Người có thẩm quyền:</p> <p>- Địa chỉ của Người có thẩm quyền: Ông Hoàng Thanh Vân - Giám đốc - Công ty Cổ phần CNG Việt Nam – Chi nhánh Miền Bắc Địa chỉ: Tầng 21, tòa nhà CEO, lô HH2-1, đường Phạm Hùng, phường Yên Hoà, TP Hà Nội. ĐT: 024 625 20777</p>
CDNT 39	<p>Địa chỉ của tổ chức, cá nhân thực hiện nhiệm vụ giám sát:</p> <p>Ông Trịnh Anh Tú – PP.KTTH – Công ty Cổ phần CNG Việt Nam – Chi nhánh Miền Bắc Địa chỉ: Tầng 21, tòa nhà CEO, lô HH2-1, đường Phạm Hùng, phường Yên Hoà, TP Hà Nội. ĐT: 024 625 20777</p>

CHƯƠNG III. TIÊU CHUẨN ĐÁNH GIÁ HSDT

Mục 1. Kiểm tra và đánh giá tính hợp lệ của HSDT

1.1. Kiểm tra tính hợp lệ của HSDT:

a) Kiểm tra các thành phần của hồ sơ dự thầu bao gồm: đơn dự thầu; giấy ủy quyền của người đại diện theo pháp luật của nhà thầu (nếu có); bảo đảm dự thầu; số lượng bản gốc, bản chụp hồ sơ dự thầu;

b) Kiểm tra sự thống nhất về nội dung giữa bản gốc và bản chụp để phục vụ quá trình đánh giá chi tiết hồ sơ dự thầu.

1.2. Đánh giá tính hợp lệ của HSDT:

HSDT của nhà thầu được đánh giá là hợp lệ khi đáp ứng đầy đủ các nội dung sau đây:

a) Có bản gốc HSDT;

b) Có đơn dự thầu được đại diện hợp pháp của nhà thầu ký tên, đóng dấu (nếu có) theo yêu cầu của HSMT;

c) Thời gian thực hiện gói thầu nêu trong đơn dự thầu phải đáp ứng yêu cầu nêu trong HSMT;

d) Giá dự thầu ghi trong đơn dự thầu phải cụ thể, cố định bằng số, bằng chữ và phải phù hợp, logic với bảng tổng hợp Giá dự thầu, không đề xuất các Giá dự thầu khác nhau hoặc có kèm theo điều kiện gây bất lợi cho CNMB;

e) Thời gian có hiệu lực của HSDT đáp ứng yêu cầu nêu tại Mục 17 Chương I – Chỉ dẫn nhà thầu;

f) Không có tên trong hai hoặc nhiều HSDT với tư cách là nhà thầu chính (nhà thầu độc lập hoặc thành viên trong liên danh) đối với cùng một gói thầu;

g) Có bảo đảm dự thầu đáp ứng yêu cầu nêu tại Mục 18 Chương I – Chỉ dẫn nhà thầu;

h) Nhà thầu bảo đảm tư cách hợp lệ theo quy định tại Mục 5 Chương I – Chỉ dẫn nhà thầu.

Nhà thầu có HSDT hợp lệ được xem xét, đánh giá tiếp về năng lực, kinh nghiệm.

Mục 2. Tiêu chuẩn đánh giá về năng lực và kinh nghiệm

2.1. Tiêu chuẩn đánh giá về năng lực và kinh nghiệm

Các tiêu chuẩn đánh giá về năng lực và kinh nghiệm đối với nhà thầu được sử dụng theo tiêu chí “đạt”, “không đạt”. Nhà thầu phải “đạt” tất cả các nội dung nêu trong bảng dưới đây thì được đánh giá là đáp ứng yêu cầu về năng lực và kinh nghiệm. Tiêu chuẩn đánh giá về năng lực và kinh nghiệm của nhà thầu bao gồm các nội dung sau đây:

TT	Mô tả	Yêu cầu	Các yêu cầu cần tuân thủ	Tài liệu cần nộp
1	Lịch sử không hoàn thành hợp đồng do lỗi của nhà thầu	Từ ngày 01 tháng 01 năm 2022 đến thời điểm đóng thầu, nhà thầu không có hợp đồng cung cấp dịch vụ phi tư vấn không hoàn thành do lỗi của nhà thầu ⁽¹⁾ .	Phải thỏa mãn yêu cầu này	Mẫu số 07

2	Thực hiện nghĩa vụ kê khai thuế và nộp thuế	Đã thực hiện nghĩa vụ kê khai thuế và nộp thuế ⁽²⁾ của năm tài chính gần nhất so với thời điểm đóng thầu.	Phải thỏa mãn yêu cầu này	Tài liệu chứng minh nghĩa vụ kê khai thuế và nộp thuế
3	Doanh thu bình quân hằng năm (không bao gồm thuế VAT)	Doanh thu bình quân hằng năm (không bao gồm thuế VAT) của 03 năm ⁽³⁾ tài chính gần nhất (2022, 2023, 2024) của nhà thầu có giá trị tối thiểu là 2.200.000.000 VNĐ .	Phải thỏa mãn yêu cầu này	Báo cáo tình hình doanh thu 3 năm: 2022, 2023, 2024. - Mẫu số 08
4	Kinh nghiệm cụ thể trong thực hiện hợp đồng tương tự	Nhà thầu đã hoàn thành ⁽⁴⁾ tối thiểu 01 hợp đồng tương tự với tư cách là nhà thầu chính (độc lập hoặc thành viên liên danh) hoặc nhà thầu phụ trong khoảng thời gian kể từ ngày 01/01/2022 đến thời điểm đóng thầu Trong đó: Hợp đồng tương tự là: - Có tính chất tương tự ⁽⁵⁾ : Thi công, lắp đặt công trình dầu khí có quy mô (giá trị) tối thiểu ⁽⁶⁾ : 730.000.000 VNĐ .	Phải thỏa mãn yêu cầu này	Mẫu số 05
KẾT LUẬN			“Đạt” nếu đạt tất cả các mục nêu trên	
			“Không đạt” nếu không đạt bất kỳ các mục trên	

Nhà thầu có HSDT đạt về năng lực, kinh nghiệm sẽ được xem xét, đánh giá tiếp về kỹ thuật

*** Ghi chú:**

(1) Hợp đồng cung cấp dịch vụ phi tư vấn không hoàn thành do lỗi của nhà thầu bao gồm:

- Hợp đồng cung cấp dịch vụ phi tư vấn bị Chủ đầu tư kết luận nhà thầu không hoàn thành và nhà thầu không phản đối;

- Hợp đồng cung cấp dịch vụ phi tư vấn bị Chủ đầu tư kết luận nhà thầu không hoàn thành, không được nhà thầu chấp thuận nhưng đã được trọng tài hoặc tòa án kết luận theo hướng bất lợi cho nhà thầu.

Các hợp đồng cung cấp dịch vụ phi tư vấn không hoàn thành không bao gồm các hợp đồng mà quyết định của CNMB đã bị bác bỏ bằng cơ chế giải quyết tranh

chấp. Việc xác định hợp đồng không hoàn thành phải dựa trên tất cả những thông tin về tranh chấp hoặc kiện tụng được giải quyết theo quy định của cơ chế giải quyết tranh chấp của hợp đồng tương ứng và khi mà nhà thầu đã hết tất cả các cơ hội có thể khiếu nại. Đối với các hợp đồng chậm tiến độ do lỗi của nhà thầu nhưng vẫn hoàn thành hợp đồng thì không được coi là hợp đồng không hoàn thành.

(2) Nhà thầu cung cấp tài liệu chứng minh đã thực hiện nghĩa vụ kê khai thuế và nộp thuế thu nhập doanh nghiệp của năm tài chính gần nhất so với thời điểm đóng thầu. Nghĩa vụ nộp thuế là nộp thuế với giá trị thuế tương ứng với thuế suất, thu nhập chịu thuế, doanh thu tính thuế nhà thầu kê khai trên Hệ thống thuế điện tử (số thuế đã nộp tương ứng với số thuế phải nộp); trường hợp được chậm nộp thuế, miễn thuế, giảm thuế theo chính sách của Nhà nước thì thực hiện theo quy định này:

- Tờ khai thuế và Giấy nộp tiền có xác nhận của cơ quan thuế được in từ Hệ thống thuế điện tử hoặc

- Tờ khai thuế và xác nhận của cơ quan thuế về việc thực hiện nghĩa vụ thuế.

(3) Trường hợp nhà thầu có số năm thành lập ít hơn số năm theo yêu cầu của HSMT thì doanh thu bình quân hằng năm (không bao gồm thuế VAT) được tính trên số năm mà nhà thầu thành lập. Trong trường hợp này, nếu doanh thu bình quân hằng năm (không bao gồm thuế VAT) của nhà thầu đáp ứng yêu cầu về giá trị của HSMT thì nhà thầu vẫn được đánh giá tiếp mà không bị loại.

Trường hợp thời điểm đóng thầu sau ngày kết thúc năm tài chính của nhà thầu (năm Y) và trước hoặc trong ngày cuối cùng của tháng thứ 3 tính từ ngày kết thúc năm Y, yêu cầu đã thực hiện nghĩa vụ kê khai thuế và nộp thuế áp dụng đối với năm tài chính trước năm Y (năm Y-1, Y-2).

(4) Đối với các hợp đồng mà nhà thầu đã tham gia với tư cách là thành viên liên danh hoặc nhà thầu phụ thì chỉ tính giá trị phần việc do nhà thầu thực hiện.

Đối với các hợp đồng mà CNMB có bằng chứng cho thấy nhà thầu đã thực hiện với tư cách nhà thầu phụ do được chuyển nhượng thầu bất hợp pháp, vi phạm quy định theo luật đấu thầu hiện hành thì hợp đồng này sẽ không được xem xét, đánh giá.

(5) (6) Hợp đồng tương tự:

Việc đánh giá về quy mô, tính chất của hợp đồng tương tự căn cứ vào giá trị hoàn thành, được nghiệm thu như sau: nhà thầu phải chứng minh bằng ít nhất 01 hợp đồng đã hoàn thành cung cấp đầy đủ các hạng mục tương tự có giá trị đáp ứng yêu cầu của gói thầu đang xét hoặc có các hạng mục công việc tương tự đã thực hiện trong các hợp đồng khác nhau (hợp đồng có thể đã hoàn thành hoặc đang thực hiện, chưa nghiệm thu, thanh lý) có giá trị đáp ứng yêu cầu của gói thầu đang xét.

Hợp đồng hoàn thành là hợp đồng có toàn bộ công việc đã được nghiệm thu hoặc hợp đồng đã được thanh lý. Thời điểm xác nhận hợp đồng hoàn thành để xác định hợp đồng tương tự là thời điểm nghiệm thu công việc, không căn cứ vào thời điểm ký kết hợp đồng.

2.2. Tiêu chuẩn đánh giá về nhân sự chủ chốt:

a) Tiêu chuẩn đánh giá về nhân sự của nhà thầu bao gồm các nội dung cơ bản sau đây

STT	Thông số kỹ thuật và các tiêu chuẩn	Tiêu chuẩn đánh giá		Tài liệu chứng minh
		Đạt	Không đạt	
1	04 nhân sự trực vận hành trong thời gian cung cấp khí cho khách hàng đáp ứng: - Chứng chỉ ATVSLĐ nhóm III; - Giấy chứng nhận PCCC và CNCH; - Bằng trung cấp nghề kỹ thuật.	Có cam kết bổ sung đầy đủ các Chứng chỉ trước khi thực hiện hợp đồng	Không tuân thủ	Bản cam kết cung cấp chứng chỉ ATVSLĐ nhóm III, giấy chứng chỉ PCCC&CNCH và bằng trung cấp nghề kỹ thuật.

Ghi chú:

- (*) Yêu cầu các giấy tờ phải còn hạn tối thiểu đến ngày hết hiệu lực của HSĐT. Trường hợp các giấy tờ mà nhà thầu cung cấp hết hạn trước ngày hết hạn của HSĐT thì nhà thầu phải gửi kèm bản cam kết bổ sung các giấy tờ, đảm bảo các giấy tờ này còn hạn tại thời điểm Hợp đồng giữa hai bên có hiệu lực. Đối với các giấy tờ cung cấp bản photo, nhà thầu có trách nhiệm đảm bảo cung cấp bản gốc các giấy tờ này cho CNMB khi cần đối chiếu.

b) Trường hợp nhà thầu trúng thầu và ký kết hợp đồng, nhà thầu có nghĩa vụ huy động nhân sự đã đề xuất ban đầu hoặc đề xuất thay đổi theo quy định tại Mục này. Trường hợp không huy động được nhà thầu bị phạt hợp đồng.

Mục 3. Tiêu chuẩn đánh giá về kỹ thuật

Các tiêu chuẩn đánh giá về kỹ thuật đối với nhà thầu được sử dụng theo tiêu chí “Đạt”, “Không đạt”. Nhà thầu được đánh giá là “Đạt” về mặt kỹ thuật nếu vượt qua được tất cả các nội dung yêu cầu tại Bảng tiêu chí đánh giá kỹ thuật, ngược lại, nếu chò sai một trong các yêu cầu này thì sẽ bị đánh giá là “Không đạt”.

Tiêu chuẩn đánh giá về kỹ thuật của nhà thầu bao gồm các nội dung cơ bản sau đây:

TT	Nội dung yêu cầu	Mức yêu cầu tối thiểu để được đánh giá là đáp ứng (đạt)
1	Quy định về phạm vi cung cấp	Quy định tại Mục 2.1 Chương V
2	Yêu cầu kỹ thuật	Quy định tại Mục 2.2 Chương V
	KẾT LUẬN	Đạt nếu tất cả các mục trên đều đạt

Mục 4. Đánh giá về tài chính theo phương pháp giá thấp nhất

Cách xác định Giá dự thầu thấp nhất theo các bước sau:

Bước 1: Xác định Giá dự thầu;

Bước 2: Sửa lỗi thực hiện theo quy định tại ghi chú (1);

Bước 3: Hiệu chỉnh sai lệch thực hiện theo quy định tại ghi chú (2);

Bước 4: Xác định Giá dự thầu sau sửa lỗi, hiệu chỉnh sai lệch trừ đi giá trị giảm giá (nếu có);

Bước 5: Xếp hạng nhà thầu. HSDT có Giá dự thầu sau sửa lỗi, hiệu chỉnh sai lệch và trừ đi giá trị giảm giá (nếu có) thấp nhất được xếp hạng thứ nhất.

Ghi chú:

(1) Sửa lỗi:

Việc sửa lỗi số học và các lỗi khác được tiến hành theo nguyên tắc sau đây:

a) Lỗi số học bao gồm những lỗi do thực hiện các phép tính cộng, trừ, nhân, chia không chính xác khi tính toán Giá dự thầu. Trường hợp không nhất quán giữa đơn giá và thành tiền thì lấy đơn giá làm cơ sở cho việc sửa lỗi; nếu phát hiện đơn giá có sự sai khác bất thường do lỗi hệ thập phân (10 lần, 100 lần, 1.000 lần) thì thành tiền là cơ sở cho việc sửa lỗi. Trường hợp tại cột “đơn giá” và cột “thành tiền” nhà thầu không ghi giá trị hoặc ghi là “0” thì được coi là nhà thầu đã phân bổ giá của công việc này vào các công việc khác thuộc gói thầu, nhà thầu phải có trách nhiệm thực hiện hoàn thành các công việc này theo đúng yêu cầu nêu trong HSMT và được thanh toán theo đúng giá đã chào.

b) Các lỗi khác:

Tại cột thành tiền đã được điền đầy đủ giá trị nhưng không có đơn giá tương ứng thì đơn giá được xác định bổ sung bằng cách chia thành tiền cho số lượng; khi có đơn giá nhưng cột thành tiền bỏ trống thì giá trị cột thành tiền sẽ được xác định bổ sung bằng cách nhân số lượng với đơn giá; nếu một nội dung nào đó có điền đơn giá và giá trị tại cột thành tiền nhưng bỏ trống số lượng thì số lượng bỏ trống được xác định bổ sung bằng cách chia giá trị tại cột thành tiền cho đơn giá của nội dung đó. Trường hợp số lượng được xác định bổ sung nêu trên khác với số lượng nêu trong HSMT thì giá trị sai khác đó là sai lệch về phạm vi cung cấp và được hiệu chỉnh theo quy định tại Bước 3;

Lỗi nhầm đơn vị tính: sửa lại cho phù hợp với yêu cầu nêu trong HSMT;

Lỗi nhầm đơn vị: sử dụng dấu "," (dấu phẩy) thay cho dấu "." (dấu chấm) và ngược lại thì được sửa lại cho phù hợp theo cách viết của Việt Nam. Khi CNMB cho rằng dấu phẩy hoặc dấu chấm trong đơn giá nhà thầu chào rõ ràng đã bị đặt sai chỗ thì trong trường hợp này thành tiền của hạng mục sẽ có ý nghĩa quyết định và đơn giá sẽ được sửa lại;

Nếu có sai sót khi cộng các khoản tiền để ra tổng số tiền thì sẽ sửa lại tổng số tiền theo các khoản tiền;

Nếu có sự khác biệt giữa con số và chữ viết thì lấy chữ viết làm cơ sở pháp lý cho việc sửa lỗi. Nếu chữ viết sai thì lấy con số sau khi sửa lỗi theo quy định tại Mục này làm cơ sở pháp lý.

(2) Hiệu chỉnh sai lệch:

a) Trường hợp có sai lệch về phạm vi cung cấp thì giá trị phần chào thiếu sẽ được cộng thêm vào, giá trị phần chào thừa sẽ được trừ đi theo mức đơn giá tương ứng trong HSDT của nhà thầu có sai lệch;

Trường hợp một hạng mục trong HSDT của nhà thầu có sai lệch không có đơn giá thì lấy mức đơn giá cao nhất đối với hạng mục này trong số các HSDT của nhà thầu khác vượt qua bước đánh giá về kỹ thuật để làm cơ sở hiệu chỉnh sai lệch; trường hợp trong HSDT của các nhà thầu vượt qua bước đánh giá về kỹ thuật không có đơn giá của hạng mục này thì lấy đơn giá trong dự toán được duyệt của gói thầu làm cơ sở hiệu chỉnh sai lệch;

Trường hợp chỉ có một nhà thầu duy nhất vượt qua bước đánh giá về kỹ thuật thì tiến hành hiệu chỉnh sai lệch trên cơ sở lấy mức đơn giá tương ứng trong HSDT của nhà thầu này; trường hợp HSDT của nhà thầu không có đơn giá tương ứng thì lấy mức đơn giá trong dự toán của gói thầu được duyệt làm cơ sở hiệu chỉnh sai lệch.

b) Trường hợp nhà thầu có thư giảm giá, việc sửa lỗi và hiệu chỉnh sai lệch được thực hiện trên cơ sở Giá dự thầu chưa trừ đi giá trị giảm giá. Tỷ lệ phần trăm (%) của sai lệch thiếu được xác định trên cơ sở so với Giá dự thầu ghi trong đơn dự thầu.

Chương IV. BIỂU MẪU DỰ THẦU

STT	Biểu mẫu	Cách thức thực hiện	Trách nhiệm thực hiện	
			CNMB	Nhà thầu
1	Mẫu số 01. Đơn dự thầu	Form mẫu		X
2	Mẫu số 02. Giấy uỷ quyền	Form mẫu		X
3	Mẫu số 03. Bảo lãnh dự thầu	Thư bảo lãnh		X
4	Mẫu số 04. Bảng giá dự thầu	Form mẫu		X
5	Mẫu số 05. Hợp đồng tương tự do nhà thầu thực hiện			X
6	Mẫu số 06. Bản kê khai thông tin nhà thầu			X
7	Mẫu số 07. Hợp đồng cung cấp dịch vụ phi tư vấn không hoàn thành do lỗi của nhà thầu			X
8	Mẫu số 08. Tình hình tài chính của nhà thầu			X
9	Mẫu số 09. Bảng kê khai thông tin thiết bị			X
10	Mẫu số 10. Bảng tiến độ thực hiện			X

ĐƠN DỰ THẦU ⁽¹⁾

Ngày: ____ tháng ____ năm 20 ____

Tên gói thầu: ____

Kính gửi: ____

Sau khi nghiên cứu HSMT, chúng tôi:

Tên nhà thầu: ____ [*Ghi tên nhà thầu*], Mã số thuế _____, [*Ghi mã số thuế của nhà thầu*] cam kết thực hiện gói thầu _____ [*Ghi tên gói thầu*] theo đúng yêu cầu nêu trong HSMT với giá dự thầu (tổng số tiền) là _____ [*Ghi giá trị bằng số, bằng chữ và đồng tiền*] cùng với bảng giá dự thầu kèm theo.

Thời gian thực hiện gói thầu: [*phù hợp với yêu cầu của hồ sơ mời thầu*]

Ngoài ra, chúng tôi tự nguyện giảm giá dự thầu với tỷ lệ phần trăm giảm giá là _____ [*Ghi tỷ lệ giảm giá, nếu có*].

Giá dự thầu sau khi trừ đi giá trị giảm giá là: _____ [*Nhà thầu tính trên cơ sở tính toán lại chi phí dự phòng sau khi giảm giá*] (đã bao gồm toàn bộ thuế, phí, lệ phí (nếu có)).

Hiệu lực của HSMT: ____ [*ghi thời gian hiệu lực kể từ ngày __ tháng __ năm __*]

Bảo đảm dự thầu: _____ [*ghi giá trị bằng số, bằng chữ và đồng tiền của bảo đảm dự thầu*]

Chúng tôi cam kết:

1. Không đang trong quá trình thực hiện thủ tục giải thể hoặc bị thu hồi giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp, giấy chứng nhận đăng ký hợp tác xã, liên hiệp hợp tác xã, tổ hợp tác, không thuộc trường hợp mất khả năng thanh toán theo quy định của pháp luật về phá sản (không đang trong quá trình chấm dứt hoạt động hoặc bị thu hồi giấy chứng nhận đăng ký hộ kinh doanh đối với nhà thầu là hộ kinh doanh);
2. Không vi phạm quy định về bảo đảm cạnh tranh trong đấu thầu;
3. Đã thực hiện nghĩa vụ kê khai thuế và nộp thuế của năm tài chính gần nhất so với thời điểm đóng thầu;
4. Không đang trong thời gian bị cấm tham dự thầu theo quy định của pháp luật đấu thầu;
5. Không đang bị truy cứu trách nhiệm hình sự (chủ hộ không đang bị truy cứu trách nhiệm hình sự trong trường hợp nhà thầu là hộ kinh doanh);
6. Không thực hiện các hành vi tham nhũng, hối lộ, thông thầu, cản trở và các hành vi vi phạm quy định khác của pháp luật đấu thầu khi tham dự gói thầu này;

7. Trong thời hạn 03 năm trước thời điểm đóng thầu, nhà thầu không có nhân sự (ký kết hợp đồng lao động với nhà thầu tại thời điểm nhân sự thực hiện hành vi vi phạm) bị Tòa án kết án có hành vi vi phạm quy định về đấu thầu gây hậu quả nghiêm trọng theo quy định của pháp luật về hình sự nhằm mục đích cho nhà thầu đó trúng thầu;

8. Những thông tin kê khai trong HSDT là trung thực;

9. Trường hợp trúng thầu, HSDT và các văn bản bổ sung, làm rõ HSDT tạo thành thỏa thuận ràng buộc trách nhiệm giữa hai bên cho tới khi hợp đồng được ký kết;

10. Nếu HSDT của chúng tôi được chấp nhận, chúng tôi sẽ thực hiện biện pháp bảo đảm thực hiện hợp đồng theo quy định tại Mục 37.1 CDNT của HSMT;

Đại diện hợp pháp của nhà thầu ⁽³⁾.

[ghi tên, chức danh, ký tên và đóng dấu]

Ghi chú:

(1) Đơn dự thầu được ký bằng chữ ký của nhà thầu khi nhà thầu nộp HSDT.

(2) HSMT không được yêu cầu nhà thầu phải nộp lý lịch tư pháp của nhân sự để chứng minh cho nội dung đánh giá này.

(3) Trường hợp đại diện theo pháp luật của nhà thầu ủy quyền cho cấp dưới ký đơn chào hàng thì phải gửi kèm theo Giấy ủy quyền theo Mẫu số 2 Chương này; trường hợp tại điều lệ công ty hoặc tại các tài liệu khác liên quan có phân công trách nhiệm cho cấp dưới ký đơn chào hàng thì phải gửi kèm theo các văn bản này (không cần lập Giấy ủy quyền theo Mẫu số 02 Chương này). Nếu nhà thầu trúng thầu, trước khi ký kết hợp đồng, nhà thầu phải trình CNMB bản chụp được chứng thực các văn bản này. Trường hợp phát hiện thông tin kê khai ban đầu là không chính xác thì nhà thầu bị coi là vi phạm hành vi bị cấm trong đấu thầu quy định tại Mục 3 CDNT.

GIẤY ỦY QUYỀN ⁽¹⁾

Hôm nay, ngày ____ tháng ____ năm ____, tại ____

Tôi là _ [Ghi tên, số CMND hoặc số hộ chiếu, chức danh của người đại diện theo pháp luật của nhà thầu], là người đại diện theo pháp luật của _ [Ghi tên nhà thầu] có địa chỉ tại _ [Ghi địa chỉ của nhà thầu] bằng văn bản này ủy quyền cho _ [Ghi tên, số CMND hoặc số hộ chiếu, chức danh của người được ủy quyền] thực hiện các công việc sau đây trong quá trình tham gia đấu thầu gói thầu _ [Ghi tên gói thầu] thuộc dự án _ [Ghi tên dự án] do _ [Ghi tên CNMB] tổ chức:

[- Ký đơn dự thầu;

- Ký các văn bản, tài liệu để giao dịch với CNMB trong quá trình tham dự nhà thầu, kể cả văn bản đề nghị làm rõ hồ sơ yêu cầu và văn bản giải trình, làm rõ hồ sơ đề xuất;

- Tham gia quá trình thương thảo, hoàn thiện hợp đồng;

- Ký đơn kiến nghị trong trường hợp nhà thầu có kiến nghị;

- Ký kết hợp đồng với CNMB nếu được lựa chọn.] ⁽²⁾

Người được ủy quyền nêu trên chỉ thực hiện các công việc trong phạm vi ủy quyền với tư cách là đại diện hợp pháp của ____ [Ghi tên nhà thầu]. ____ [Ghi tên nhà thầu] chịu trách nhiệm hoàn toàn về những công việc do ____ [Ghi tên người được ủy quyền] thực hiện trong phạm vi ủy quyền.

Giấy ủy quyền có hiệu lực kể từ ngày ____ đến ngày ____ ⁽³⁾. Giấy ủy quyền này được lập thành ____ bản có giá trị pháp lý như nhau, người ủy quyền giữ ____ bản, người được ủy quyền giữ ____ bản.

Người được ủy quyền

Người ủy quyền

[Ghi tên, chức danh, ký tên và đóng dấu (nếu có)]

[Ghi tên người đại diện theo pháp luật của nhà thầu, chức danh, ký tên và đóng dấu]

Ghi chú:

(1) Trường hợp ủy quyền thì bản gốc giấy ủy quyền phải được gửi cho CNMB cùng với đơn dự thầu. Việc ủy quyền của người đại diện theo pháp luật của nhà thầu cho cấp phó, cấp dưới, giám đốc chi nhánh, người đứng đầu văn phòng đại diện của nhà thầu để thay mặt cho người đại diện theo pháp luật của nhà thầu thực hiện một hoặc các nội dung công việc nêu trên đây. Việc sử dụng con dấu trong trường hợp được ủy quyền có thể là dấu của nhà thầu hoặc dấu của đơn vị mà cá nhân liên quan được ủy quyền. Người được ủy quyền không được tiếp tục ủy quyền cho người khác.

(2) Phạm vi ủy quyền bao gồm một hoặc nhiều công việc nêu trên.

(3) Ghi ngày có hiệu lực và ngày hết hiệu lực của giấy ủy quyền phù hợp với quá trình tham gia đấu thầu.

BẢO LÃNH DỰ THẦU⁽¹⁾

Bên thụ hưởng (Bên nhận bảo lãnh): ___ [ghi tên và địa chỉ của CNMB]

Ngày phát hành bảo lãnh: ___ [ghi ngày phát hành bảo lãnh]

BẢO LÃNH DỰ THẦU số: ___ [ghi số trích yếu của Bảo lãnh dự thầu]

Bên bảo lãnh: ___ [ghi tên và địa chỉ nơi phát hành, nếu những thông tin này chưa được thể hiện ở phần tiêu đề trên giấy in]

Chúng tôi được thông báo rằng Bên được bảo lãnh là ___ [ghi tên nhà thầu] (sau đây gọi là “Nhà thầu”) sẽ tham dự thầu để thực hiện gói thầu ___ [ghi tên gói thầu].

Chúng tôi cam kết với Bên thụ hưởng rằng chúng tôi bảo lãnh cho nhà thầu bằng một khoản tiền là ___ [ghi rõ giá trị bằng số, bằng chữ và đồng tiền sử dụng].

Bảo lãnh này có hiệu lực trong ___⁽²⁾ ngày, kể từ ngày ___ tháng ___ năm ___⁽³⁾.

Theo yêu cầu của nhà thầu, chúng tôi, với tư cách là Bên bảo lãnh, cam kết⁽⁴⁾ sẽ thanh toán cho Bên thụ hưởng một khoản tiền là ___ [ghi rõ giá trị bằng số, bằng chữ và đồng tiền sử dụng] khi nhận được văn bản thông báo từ Bên thụ hưởng về vi phạm của nhà thầu trong các trường hợp sau đây:

1. Sau thời điểm đóng thầu và trong thời gian có hiệu lực của HSDT, nhà thầu có văn bản rút HSDT hoặc từ chối thực hiện một hoặc các công việc đã đề xuất trong HSDT theo yêu cầu của HSMT;

2. Nhà thầu có hành vi vi phạm quy định tại Điều 16 Luật Đấu thầu hoặc vi phạm pháp luật về đấu thầu dẫn đến phải hủy thầu theo quy định tại điểm d và điểm đ khoản 1 Điều 17 của Luật Đấu thầu;

3. Nhà thầu không thực hiện biện pháp bảo đảm thực hiện hợp đồng theo quy định tại Điều 68 của Luật Đấu thầu;

4. Nhà thầu không tiến hành hoặc từ chối đối chiếu tài liệu trong thời hạn 05 ngày làm việc kể từ ngày nhận được thông báo mời đối chiếu tài liệu hoặc đã đối chiếu tài liệu nhưng từ chối ký biên bản đối chiếu tài liệu, trừ trường hợp bất khả kháng.

5. Nhà thầu không tiến hành hoặc từ chối hoàn thiện hợp đồng trong thời hạn 10 ngày kể từ ngày nhận được thông báo trúng thầu của CNMB, trừ trường hợp bất khả kháng;

6. Nhà thầu không tiến hành hoặc từ chối ký kết hợp đồng trong thời hạn 10 ngày kể từ ngày hoàn thiện hợp đồng, trừ trường hợp bất khả kháng.

Trường hợp Nhà thầu trúng thầu, bảo lãnh này sẽ hết hiệu lực ngay sau khi Nhà thầu ký kết hợp đồng và nộp bảo lãnh thực hiện hợp đồng cho Bên thụ hưởng theo thỏa thuận trong hợp đồng đó.

Trường hợp Nhà thầu không trúng thầu, bảo lãnh này sẽ hết hiệu lực ngay sau khi chúng tôi nhận được bản chụp văn bản thông báo kết quả lựa chọn Nhà thầu hoặc trong vòng 30 ngày kể từ ngày hết thời hạn hiệu lực của HSDT, tùy theo thời điểm nào đến trước.

Bất cứ yêu cầu bồi thường nào theo bảo lãnh này đều phải được gửi đến văn phòng chúng tôi trước hoặc trong ngày cuối cùng có hiệu lực của bảo lãnh này.

Đại diện hợp pháp của ngân hàng

[ghi tên, chức danh, ký tên và đóng dấu]

Ghi chú:

(1) Trường hợp bảo lãnh dự thầu vi phạm một trong các quy định như: có giá trị thấp hơn, thời gian hiệu lực ngắn hơn so với yêu cầu quy định tại Mục 18.3 CDNT, không đúng tên đơn vị thụ hưởng, không phải là bản gốc, không có chữ ký hợp lệ, ký trước khi CNMB phát hành HSMT, hoặc có kèm theo điều kiện gây bất lợi cho CNMB thì bảo lãnh dự thầu được coi là không hợp lệ. Bảo lãnh dự thầu này là bảo lãnh dự thầu không hủy ngang. Trường hợp cần thiết, đối với các gói thầu có quy mô lớn, để bảo đảm quyền lợi của CNMB, CNMB trong việc tịch thu giá trị bảo đảm dự thầu khi nhà thầu vi phạm quy định nêu tại Bảo lãnh dự thầu, CNMB, CNMB có thể yêu cầu nhà thầu cung cấp các tài liệu để chứng minh bảo lãnh dự thầu đã nộp trong HSĐT là bảo lãnh dự thầu không hủy ngang.

(2) Ghi theo quy định về thời gian hiệu lực tại Mục 18.3 BDL.

(3) Ghi ngày có thời điểm đóng thầu theo quy định tại TBMT. Thời gian có hiệu lực của bảo lãnh dự thầu được tính kể từ ngày có thời điểm đóng thầu đến ngày cuối cùng có hiệu lực của bảo lãnh dự thầu (thời điểm kết thúc hiệu lực của bảo lãnh dự thầu nằm trong ngày cuối cùng có hiệu lực của bảo lãnh dự thầu mà không cần thiết phải đến hết 24 giờ của ngày đó).

(4) Trường hợp bảo lãnh dự thầu thiếu một hoặc một số cam kết trong các nội dung cam kết nêu trên thì bị coi là điều kiện gây bất lợi cho CNMB theo quy định tại Mục 18.4 Chương 1-CDNT và thư bảo lãnh được coi là không hợp lệ.

BẢNG TỔNG HỢP GIÁ DỰ THẦU
(áp dụng đối với hợp đồng theo đơn giá cố định)

TT	Mô tả dịch vụ	Đơn vị tính	Thời gian	Khối lượng	Đơn giá (VND/mmBTU)	Thành tiền (Cột 4x5x6)
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)
1	Thuê hệ thống cấp khí LNG	mmBTU	60 tháng	553.846,15		
Thuế						
Tổng cộng giá dự thầu						

Đại diện hợp pháp của nhà thầu
[ghi tên, chức danh, ký tên và đóng dấu]

Ghi chú:

Các cột (1), (2), (3), (4): CNMB ghi phù hợp với các nội dung công việc theo quy định tại Chương V Phần thứ hai – Yêu cầu về phạm vi cung cấp.

Các cột (6), (7): do nhà thầu chào. Nhà thầu ghi đơn giá dự thầu và thành tiền của từng công việc cụ thể. Nhà thầu phải tính toán và phân bổ các chi phí về thuế, phí, lệ phí (nếu có) và chi phí cho yếu tố trượt giá của gói thầu vào trong giá dự thầu.

Cột (6): Đơn giá dự thầu sẽ là căn cứ để đưa vào hợp đồng và thanh toán hằng tháng theo khối lượng thực tế sử dụng của khách hàng

HỢP ĐỒNG TƯƠNG TỰ DO NHÀ THẦU THỰC HIỆN⁽¹⁾

Tên nhà thầu: _____ *[ghi tên đầy đủ của nhà thầu]*.

Thông tin về từng hợp đồng, mỗi hợp đồng cần bảo đảm các thông tin sau đây:

Tên và số hợp đồng	<i>[ghi tên đầy đủ của hợp đồng, số ký hiệu]</i>		
Ngày ký hợp đồng	<i>[ghi ngày, tháng, năm]</i>		
Ngày hoàn thành	<i>[ghi ngày, tháng, năm]</i>		
Giá hợp đồng ⁽³⁾	<i>[ghi tổng giá hợp đồng theo số tiền và đồng tiền đã ký]</i>		Tương đương _____ VND
Trường hợp là thành viên liên danh, ghi tóm tắt phần công việc đảm nhận trong liên danh và giá trị phần hợp đồng mà nhà thầu đảm nhận	<i>[ghi tóm tắt phần công việc đảm nhận trong liên danh]</i>	<i>[ghi phần trăm giá trị phần hợp đồng đảm nhận trong tổng giá hợp đồng; số tiền và đồng tiền đã ký]</i>	Tương đương ____ VND
Tên dự án/dự toán mua sắm:	<i>[ghi tên đầy đủ của dự án/dự toán mua sắm có hợp đồng đang kê khai]</i>		
Tên Công ty:	<i>[ghi tên đầy đủ của tên Công ty trong hợp đồng đang kê khai]</i>		
Địa chỉ:	<i>[ghi đầy đủ địa chỉ hiện tại của Công ty]</i>		
Điện thoại/fax:	<i>[ghi số điện thoại, số fax kể cả mã quốc gia, mã vùng]</i>		
E-mail:	<i>[ghi địa chỉ e-mail]</i>		
Mô tả tính chất tương tự theo quy định tại Mục 2.1 Chương III⁽²⁾			
1. Loại dịch vụ	<i>[ghi thông tin phù hợp]</i>		
2. Về giá trị hợp đồng đã thực hiện ⁽³⁾	<i>[ghi giá trị hợp đồng thực tế đã thực hiện căn cứ theo giá trị nghiệm thu, thanh lý hợp đồng]</i>		
3. Quy mô thực hiện	<i>[ghi quy mô theo hợp đồng]</i>		
4. Các đặc tính khác	<i>[ghi các đặc tính khác nếu cần thiết]</i>		

Đại diện hợp pháp của nhà thầu

[Ghi tên, chức danh, ký tên và đóng dấu]

Ghi chú:

Nhà thầu nghiên cứu kỹ HSMT và đề xuất các hợp đồng tương tự để bảo đảm đáp ứng yêu cầu của HSMT.

(1) Nhà thầu chỉ kê khai nội dung tương tự với yêu cầu của gói thầu.

(2) Trường hợp giá trị hợp đồng không tính bằng VND thì quy đổi sang VND và áp dụng tỷ giá bán ra của Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam tại ngày ký kết hợp đồng đó để làm cơ sở đánh giá.

BẢN KÊ KHAI THÔNG TIN VỀ NHÀ THẦU ⁽¹⁾

Ngày: _____

Tên gói thầu: _____

Tên nhà thầu: <i>[ghi tên nhà thầu.]</i>
Nơi nhà thầu đăng ký kinh doanh, hoạt động: <i>[điền tên tỉnh/thành phố nơi đăng ký kinh doanh, hoạt động]</i>
Năm thành lập công ty:
Địa chỉ hợp pháp của nhà thầu <i>[tại nơi đăng ký]:</i>
Thông tin về đại diện ủy quyền của nhà thầu Tên: _____ Địa chỉ: _____ Số điện thoại/fax: _____ Địa chỉ email: _____
<ol style="list-style-type: none"> Kèm theo là bản chụp một trong các tài liệu sau đây: Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp, Giấy chứng nhận đầu tư, Quyết định thành lập hoặc Giấy đăng ký hoạt động hợp pháp... Trình bày sơ đồ tổ chức của nhà thầu.

Đại diện hợp pháp của nhà thầu

[Ghi tên, chức danh, ký tên và đóng dấu]

HỢP ĐỒNG CUNG CẤP DỊCH VỤ PHI TƯ VẤN KHÔNG HOÀN THÀNH DO LỖI CỦA NHÀ THẦU⁽¹⁾

Tên nhà thầu: _____

Ngày: _____

Các hợp đồng cung cấp dịch vụ phi tư vấn không hoàn thành do lỗi của nhà thầu trong quá khứ theo quy định tại khoản 2.1 Mục 2 Chương III			
<input type="checkbox"/> Không có hợp đồng cung cấp dịch vụ phi tư vấn không hoàn thành do lỗi của nhà thầu kể từ ngày 01 tháng 01 năm ___ [ghi năm] theo quy định tại tiêu chí đánh giá 1 trong Bảng tiêu chuẩn đánh giá về năng lực và kinh nghiệm thuộc Mục 2.1 Chương III.			
<input type="checkbox"/> Có hợp đồng cung cấp dịch vụ phi tư vấn không hoàn thành do lỗi của nhà thầu tính từ ngày 01 tháng 01 năm ___ [ghi năm] theo quy định tại tiêu chí đánh giá 1 trong Bảng tiêu chuẩn đánh giá về năng lực và kinh nghiệm thuộc Mục 2.1 Chương III.			
Năm	Phần việc hợp đồng không hoàn thành	Mô tả hợp đồng	Tổng giá trị hợp đồng (giá trị, loại đồng tiền, tỷ giá hối đoái, giá trị tương đương bằng VND)
		Mô tả hợp đồng: _____ Tên Công ty: _____ Địa chỉ: _____ Nguyên nhân không hoàn thành hợp đồng: _____	

Đại diện hợp pháp của nhà thầu

[Ghi tên, chức danh, ký tên và đóng dấu]

Ghi chú:

(1) Nhà thầu phải kê khai chính xác, trung thực các hợp đồng cung cấp dịch vụ phi tư vấn không hoàn thành do lỗi của nhà thầu trong quá khứ. Trường hợp CNMB phát hiện nhà thầu có hợp đồng cung cấp dịch vụ phi tư vấn không hoàn thành do lỗi của nhà thầu trong quá khứ mà không kê khai thì nhà thầu được coi là có hành vi gian lận và HSDT của nhà thầu sẽ bị loại.

TÌNH HÌNH TÀI CHÍNH CỦA NHÀ THẦU

Tên nhà thầu: _____

Ngày: _____

	Năm tài chính của nhà thầu từ ngày ___ tháng ___ đến ngày ___ tháng ___ (nhà thầu điền nội dung này)		
	Số liệu tài chính trong các năm gần nhất theo yêu cầu của HSDT		
	Năm 1:	Năm 2:	Năm 3:
Tổng tài sản			
Tổng nợ			
Giá trị tài sản ròng			
Doanh thu hằng năm (không bao gồm thuế VAT)			
Doanh thu bình quân hằng năm (không bao gồm thuế VAT)⁽¹⁾	(Nhà thầu tự tính)		
Lợi nhuận trước thuế			
Lợi nhuận sau thuế			

Đại diện hợp pháp của nhà thầu

[Ghi tên, chức danh, ký tên và đóng dấu]

Ghi chú:

(1) Để xác định doanh thu bình quân hằng năm (không bao gồm thuế VAT), nhà thầu chia tổng doanh thu của các năm (không bao gồm thuế VAT) cho số năm dựa trên thông tin đã được cung cấp.

Doanh thu hằng năm được tính bằng tổng doanh thu trong báo cáo tài chính của năm đó (chưa bao gồm thuế VAT).

Doanh thu bình quân hằng năm (không bao gồm thuế VAT) = tổng doanh thu từng năm (không bao gồm thuế VAT) theo yêu cầu của HSDT/số năm.

Trường hợp nhà thầu mới thành lập không đủ số năm theo yêu cầu của HSDT thì Doanh thu bình quân hằng năm (không bao gồm thuế VAT) được tính trên cơ sở số năm mà nhà thầu có số liệu tài chính.

Nhà thầu phải chuẩn bị các tài liệu như sau:

Bản sao các báo cáo tài chính (các bảng cân đối kế toán bao gồm tất cả thuyết minh có liên quan, và các báo cáo kết quả kinh doanh) cho các năm như đã nêu trên, tuân thủ các điều kiện sau:

1. Phản ánh tình hình tài chính của nhà thầu mà không phải tình hình tài chính của một chủ thể liên kết như công ty mẹ liên kết với công ty con hoặc công ty liên kết với nhà thầu.

2. Các báo cáo tài chính phải hoàn chỉnh, đầy đủ nội dung theo quy định.

3. Các báo cáo tài chính phải tương ứng với các kỳ kế toán đã hoàn thành kèm theo bản chụp được chứng thực một trong các tài liệu sau đây:

- Biên bản kiểm tra quyết toán thuế;
- Tờ khai tự quyết toán thuế (thuế giá trị gia tăng và thuế thu nhập doanh nghiệp) có xác nhận của cơ quan thuế về thời điểm đã nộp tờ khai;
- Tài liệu chứng minh việc nhà thầu đã kê khai quyết toán thuế điện tử;
- Văn bản xác nhận của cơ quan quản lý thuế (xác nhận số nộp cả năm) về việc thực hiện nghĩa vụ nộp thuế;
- Báo cáo kiểm toán (nếu có);
- Các tài liệu khác

CÔNG TY.....
Địa chỉ:.....
Điện Thoại:.....

BẢN CAM KẾT THỰC HIỆN GÓI THẦU

Ngày: _____ [Điền ngày, tháng, năm ký đơn dự thầu]
Tên gói thầu: [Ghi tên gói thầu theo thông báo mời thầu]

Kính gửi: [Điền tên đầy đủ thông tin của CNMB]

Sau khi nghiên cứu hồ sơ mời thầu và các tài liệu đính kèm do _____ [Điền tên đầy đủ thông tin của CNMB] phát hành, chúng tôi _____ [Ghi tên nhà thầu], có địa _____ [Ghi địa chỉ nhà thầu] cam kết có đủ năng lực, kinh nghiệm, đáp ứng yêu cầu kỹ thuật để thực hiện công việc _____ [Ghi tên gói thầu], hợp pháp và theo đúng quy định của hồ sơ mời thầu, cụ thể như sau:

1. Cam kết thực hiện đúng tiến độ 90 ngày kể từ ngày CNMB bàn giao mặt bằng (có bản phương án thực hiện và tiến độ chi tiết đính kèm Hồ sơ dự thầu).
2. Đầu tư hệ thống thiết bị đảm bảo theo yêu cầu kỹ thuật tại mục 2.2 chương V.

Chúng tôi xin chịu hoàn toàn trách nhiệm về tính chính xác của thông tin nêu trong bản cam kết này.

Đại diện hợp pháp của nhà thầu
[Ghi tên, chức danh, ký tên và đóng dấu]

PHẠM VI CUNG CẤP
(áp dụng đối với loại hợp đồng theo đơn giá cố định)

STT	Danh mục dịch vụ	Đơn vị	Khối lượng mời thầu	Mô tả dịch vụ	Yêu cầu kết quả đầu ra	Ghi chú
1	Thuê hệ thống cấp khí LNG	mmBTU	553.846,15 mmBTU	Đáp ứng các yêu cầu theo Mục 2 Yêu cầu về kỹ thuật	Đáp ứng nhu cầu sử dụng của khách hàng Thép Toàn Hưng là 9.231 mmBTU/tháng trong thời gian 60 tháng	

Đại diện hợp pháp của nhà thầu

[Ghi tên, chức danh, ký tên và đóng dấu]

Chương V. YÊU CẦU VỀ KỸ THUẬT

1. Giới thiệu chung về gói thầu:

- a. Tên gói thầu: PTV-Thuê hệ thống cấp khí LNG.
- b. Công ty Cổ phần CNG Việt Nam – Chi nhánh Miền Bắc.
- c. Loại hợp đồng: Hợp đồng theo đơn giá cố định.
- d. Thời gian thực hiện gói thầu: 60 tháng kể từ ngày Hợp đồng có hiệu lực.
- e. Thời gian thực hiện hợp đồng: 61 tháng kể từ ngày Hợp đồng có hiệu lực.

2. Yêu cầu kỹ thuật của gói thầu:

2.1. Phạm vi, tiến độ thực hiện công việc:

STT	Nội dung dịch vụ	Đơn vị	Khối lượng Công việc	Tiến độ thực hiện	Yêu cầu kết quả đầu ra	Địa điểm thực hiện
1	Thuê hệ thống cấp khí LNG	Gói	01	Thời gian thuê: 60 tháng tính từ thời điểm khách hàng nhận khí; (Nhà thầu phải hoàn thành lắp đặt, chạy thử hệ thống thiết bị trong vòng 90 ngày kể từ ngày CNMB bàn giao mặt bằng, nền móng).	-Hệ thống cung cấp nhiên liệu LNG đảm bảo tuân thủ các quy định của pháp luật về an toàn, PCCC và đáp ứng lưu lượng sử dụng của khách hàng. -Dịch vụ quản lý, vận hành và sửa chữa bảo dưỡng đáp ứng theo mục 2.3	Công ty TNHH Toàn Hưng (Thép Toàn Hưng) có địa chỉ nhà máy tại: Mỹ Hào, Hưng Yên, Việt Nam

2.2. Yêu cầu kỹ thuật:

Nhà thầu cung cấp catalogue chứng minh hoặc bản cam kết đáp ứng các yêu cầu kỹ thuật tối thiểu như sau:

TT	Nội dung yêu cầu	Mức độ đáp ứng	
		Đạt	Không đạt
(1)	(2)	(3)	(4)
I	Máy hoá hơi LNG		
1	Loại hóa hơi	Tuân thủ Hóa hơi sử dụng nhiệt độ không khí, kiểu đứng	Không tuân thủ Hóa hơi sử dụng nhiệt độ không khí, kiểu đứng

TT	Nội dung yêu cầu	Mức độ đáp ứng	
		Đạt	Không đạt
2	Tiêu chuẩn thiết kế	Tuân thủ ASME/GB	Không tuân thủ ASME/GB
3	Vật liệu	Nhôm	Khác Nhôm
4	Nhiệt độ thiết kế	Đạt -196 °C đến 50 °C	Không đạt -196 °C đến 50 °C
5	Nhiệt độ vận hành bên trong	Đạt -162 °C	Không đạt -162 °C
6	Nhiệt độ vận hành bên ngoài	Đạt 100C đến nhiệt độ không khí	Không đạt 100C đến nhiệt độ không khí
7	Thời gian vận hành (giờ)	> 6	< 6
8	Thời gian rã đông (giờ)	≤ 6	>6
9	Kết nối trong/ngoài	Mặt bích (Stainless steel companion)	Không đạt Mặt bích (Stainless steel companion)
10	Độ dày, vật liệu ống và các phụ kiện như van, đồng hồ áp suất, đồng hồ nhiệt độ, đầu nối, ống mềm ... phù hợp với dòng lạnh	Tuân thủ ASME/ASTM/ANSI/GB	Không tuân thủ ASME/ASTM/ANSI/GB
11	Công suất máy hóa hơi	> 1000 Nm ³ /h; Áp suất làm việc tối đa: 5 bar.	< 1000 Nm ³ /h; Áp suất làm việc tối đa: 5 bar.
12	Số lượng máy hóa hơi	≥ 02 máy	< 02 máy
13	Máy hóa hơi và Thiết bị giảm áp kèm theo có xuất xứ EU/G20	Tuân thủ	Không tuân thủ
14	Năm sản xuất	≥ 2023	< 2023
15	Bản vẽ kích thước chi tiết	Đính kèm bản vẽ	Không đính kèm bản vẽ
II	Bộ tạo áp LNG cho xe bồn		
1	Hiệu suất	≥ 300 Nm ³ /h; Áp suất làm việc tối đa: 5 bar	< 300 Nm ³ /h; Áp suất làm việc tối đa: 5 bar
2	Năm sản xuất	≥ 2023	< 2023

TT	Nội dung yêu cầu	Mức độ đáp ứng	
		Đạt	Không đạt
3	Loại hóa hơi	Tuân thủ Hóa hơi sử dụng nhiệt độ không khí	Không tuân thủ Hóa hơi sử dụng nhiệt độ không khí
4	Tiêu chuẩn thiết kế	Tuân thủ ASME/GB	Không tuân thủ ASME/GB
5	Vật liệu	Nhôm	Khác Nhôm
6	Nhiệt độ thiết kế	Đạt -196 °C đến 50 °C	Không đạt -196 °C đến 50 °C
7	Nhiệt độ vận hành bên trong	Đạt -162 °C	Không đạt -162 °C
8	Nhiệt độ khí đầu ra	Nhỏ hơn tối đa 10 °C so với nhiệt độ không khí	Chênh lệch hơn 10 °C so với nhiệt độ không khí
9	Kết nối trong/ngoài	Đạt Mặt bích (Stainless steel companion)	Không đạt Mặt bích (Stainless steel companion)
10	Độ dày, vật liệu ống và các phụ kiện như van, đồng hồ áp suất, đồng hồ nhiệt độ, đầu nối, ống mềm ... phù hợp với dòng lạnh	Tuân thủ ASME/ASTM/ANSI/GB	Không tuân thủ ASME/ASTM/ANSI/GB
11	Bản vẽ kích thước chi tiết	Đính kèm bản vẽ	Không đính kèm bản vẽ
III	Bộ hoá hơi cho hệ thống xả khí LNG		
1	Công suất	$\geq 100 \text{ Sm}^3/\text{h}$; Áp suất làm việc tối đa: 5 bar	$< 100 \text{ Sm}^3/\text{h}$; Áp suất làm việc tối đa: 5 bar
2	Số lượng	≥ 01 bộ	< 01 bộ
3	Năm sản xuất	≥ 2023	< 2023
4	Loại hóa hơi	Tuân thủ Hóa hơi sử dụng nhiệt độ không khí	Không tuân thủ Hóa hơi sử dụng nhiệt độ không khí
5	Tiêu chuẩn thiết kế	Tuân thủ ASME/GB	Không tuân thủ ASME/GB

TT	Nội dung yêu cầu	Mức độ đáp ứng	
		Đạt	Không đạt
6	Vật liệu	Nhôm hoàn toàn	Khác Nhôm hoàn toàn
7	Nhiệt độ thiết kế	Đạt -196 °C đến 50 °C	Không đạt -196 °C đến 50 °C
8	Nhiệt độ vận hành bên trong	Đạt -86 °C	Không đạt -86 °C
9	Nhiệt độ khí đầu ra	Nhỏ hơn tối đa 10 °C so với nhiệt độ không khí	Chênh lệch hơn 10 °C so với nhiệt độ không khí
10	Kích thước (DxRxC), (mm)	VTA (Vendor to Advice)	
11	Thời gian sử dụng	≥ 60 tháng	< 60 tháng
12	Kết nối trong/ngoài	Đạt Mặt bích (Stainless steel companion)	Không đạt Mặt bích (Stainless steel companion)
13	Độ dày, vật liệu ống và các phụ kiện như van, đồng hồ áp suất, đồng hồ nhiệt độ, đầu nối, ống mềm ...phù hợp với dòng lạnh	Tuân thủ ASME/ASTM/ANSI/GB	Không tuân thủ ASME/ASTM/ANSI/GB
14	Bản vẽ kích thước chi tiết	Đính kèm bản vẽ	Không đính kèm bản vẽ
IV	Hệ thống van, đường ống lạnh LNG		
1	Năm sản xuất	≥ 2023	< 2023
2	Nhiệt độ thiết kế		
2.1	Liquid	Đạt -196 °C đến 50 °C	Không đạt -196 °C đến 50 °C
2.2	Gas	Đạt 0 °C đến 50 °C	Không đạt 0 °C đến 50 °C
3	Nhiệt độ vận hành bên trong		
3.1	Liquid	Đạt -162 °C đến -150 °C	Không đạt -162 °C đến -150 °C

TT	Nội dung yêu cầu	Mức độ đáp ứng	
		Đạt	Không đạt
3.2	Gas	Đạt 15 °C đến 22 °C	Không đạt 15 °C đến 22 °C
4	Kết nối trong/ngoài	- Mặt bích (Stainless steel companion) - Hàn	Không đạt - Mặt bích (Stainless steel companion) Hàn
5	Độ dày, vật liệu ống và các phụ kiện như van, đồng hồ áp suất, đồng hồ nhiệt độ, đầu nối, ống mềm ...phù hợp với dòng lạnh	Tuân thủ ASME/ASTM/ANSI/GB	Không tuân thủ ASME/ASTM/ANSI/GB
6	Bản vẽ kích thước chi tiết	Đính kèm bản vẽ	Không đính kèm bản vẽ
V	Thiết bị F&G: FD, GD; Thiết bị Instruments: PT, TT; Thiết bị bảo vệ: PSV, TRV theo tiêu chuẩn chống cháy nổ và lắp đặt trên đường ống lạnh LNG		
1	Các thiết bị F&G: FD, GD; Thiết bị Instruments: PT, TT; Thiết bị bảo vệ: PSV, TRV theo tiêu chuẩn chống cháy nổ và lắp đặt trên đường ống lạnh LNG	Đính kèm catalouge	Không đính kèm Catalouge
2	Năm sản xuất	≥ 2023	< 2023
3	Nhiệt độ thiết kế		
4	Nhiệt độ vận hành bên trong		
5	Kết nối trong/ngoài	Đạt Mặt bích (Stainless steel companion); Hàn; Ren NPT.	Không đạt Mặt bích (Stainless steel companion); Hàn; Ren NPT.
6	Tiêu chuẩn chống cháy nổ FD, GD, PT, TT	Đạt Ex'd', IIA, T3, IP65(min)	Không đạt Ex'd', IIA, T3, IP65(min)

TT	Nội dung yêu cầu	Mức độ đáp ứng	
		Đạt	Không đạt
7	Khu vực sử dụng tính riêng FD, GD, PT, TT	Đạt Zone 2, IIA, T3	Không đạt Zone 2, IIA, T3
VI	Cụm van điều áp		
1	Số lượng	2 nhánh (1 chạy, 1 dự phòng)	Ít hơn 2 nhánh
2	Năm sản xuất	Từ 2023	< 2023
3	Áp suất đầu vào/ đầu ra	0-10 bar/ 0-5 bar	Không bao gồm dải hoạt động yêu cầu
4	Lưu lượng	≥ 1000 Nm ³ /h	<1000 Nm ³ /h
5	Bản vẽ kích thước chi tiết	Được đính kèm	Không đính kèm
VII	Hệ thống đo đếm		
1	Loại sản phẩm	Hệ thống đo đếm cho khí Natural Gas (cấu hình tối thiểu bao gồm cảm biến áp suất, cảm biến nhiệt độ, turbine meter, Flow Computer/ EVC)	Không tuân thủ cấu hình
2	Số lượng	1 nhánh	<1
3	Năm sản xuất	Từ 2023	< 2023
4	Áp suất vận hành	Tối đa 5 bar	Không bao gồm dải hoạt động 0-5 bar
5	Lưu lượng	≥ 1000 Nm ³ /h	<1000

Phần 3. DỰ THẢO HỢP ĐỒNG
HỢP ĐỒNG THUÊ DỊCH VỤ
Số/2025/CNG NORTH-

*Căn cứ nhu cầu và khả năng cung cấp của hai bên.
Căn cứ biên bản thương thảo hợp đồng số.....*

Hôm nay, ngày tháng năm 2025, tại Văn phòng Công ty cổ phần CNG Việt Nam – Chi nhánh Miền Bắc (CNGNORTH), hai bên gồm có:

BÊN A: CÔNG TY CỔ PHẦN CNG VIỆT NAM CHI NHÁNH MIỀN BẮC (CNGNORTH)

Địa chỉ trụ sở chính : Tầng 21 tòa nhà CEO, lô HH2-1, đường Phạm Hùng, phường Yên Hòa, TP Hà Nội

Mã số thuế : 3500800828-001

Điện thoại : 0246.252 0777

Số fax : 0246.256 0777

Tài khoản tiền Đồng : 1600088668

Ngân hàng : Tại ngân hàng BIDV - CN Sở giao dịch III – PGD Nguyễn Khang - Hà Nội

Người đại diện : Ông Hoàng Thanh Vân

Chức vụ : Giám Đốc

Theo Ủy quyền Số 08.UQ – CNGVN ngày 21/08/2025

BÊN B: CÔNG TY

Địa chỉ :

Điện thoại :

Số fax :

Mã số thuế :

Số tài khoản (VNĐ) :

Ngân hàng :

Người đại diện : Ông

Chức vụ : Giám Đốc

Thỏa thuận ký kết hợp đồng Thuê thiết bị, dịch vụ quản lý, vận hành và sửa chữa bảo dưỡng hệ thống cấp khí LNG (sau đây gọi tắt là “Hợp Đồng”) với các điều khoản, điều kiện dưới đây:

ĐIỀU 1: Nội dung hợp đồng

Bên A đồng ý thuê và Bên B đồng ý cho thuê Hệ thống cung cấp nhiên liệu LNG (sau đây được định nghĩa là “Hệ thống cấp khí”) và dịch vụ quản lý, vận hành và sửa chữa bảo dưỡng hệ thống cấp khí LNG tại Công ty TNHH Toàn Hưng địa chỉ: 120 phố Bàn, thị xã Mỹ Hào, tỉnh Hưng Yên. (Sau đây được gọi là “Khách hàng”).

ĐIỀU 2: Thời hạn hiệu lực của hợp đồng

Thời hạn hiệu lực của HỢP ĐỒNG: Hợp đồng có thời hạn 60 tháng kể từ ngày nhận khí đầu tiên.

Sau thời hạn hiệu lực của Hợp đồng, các khoản bồi thường, phạt hoặc công nợ giữa Hai Bên tồn tại hay phát sinh (nếu có) trong thời hạn Hợp đồng sẽ vẫn còn hiệu lực và ràng buộc Hai Bên. Sau thời hạn hiệu lực của Hợp đồng hai bên thực hiện làm biên bản thanh lý hợp đồng.

ĐIỀU 3: Yêu cầu kỹ thuật của hệ thống cấp khí

- Hệ thống cấp khí bao gồm (chi tiết như phụ lục 2 đính kèm):
 - Máy hoá hơi LNG
 - Bộ tạo áp LNG cho xe bồn
 - Bộ hoá hơi cho hệ thống xả khí
 - Hệ thống van, đường ống lạnh LNG
 - Thiết bị F&G: FD, GD; Thiết bị Instruments: PT, TT; Thiết bị bảo vệ: PSV, TRV theo tiêu chuẩn chống cháy nổ và lắp đặt trên đường ống lạnh LNG.
 - Thiết kế, lắp đặt, chạy thử toàn bộ hệ thống phải đảm bảo có thể sử dụng nhiên liệu LNG với lượng khí giao nhận bình quân khoảng 9.231 mmBTU/tháng (tương đương 240.000 Sm³/tháng).
- Thời gian hoàn thành lắp đặt hệ thống cấp khí: Trong vòng 90 ngày kể từ ngày CNMB bàn giao mặt bằng nền móng.

ĐIỀU 4 : Yêu cầu của dịch vụ quản lý, vận hành và sửa chữa bảo dưỡng hệ thống cấp khí.

Nhân sự vận hành hệ thống cấp khí của Bên B phải được đào tạo và có đầy đủ các chứng chỉ an toàn, kỹ thuật theo qui định của pháp luật và phải được Bên A chấp thuận.

Các chứng chỉ bao gồm như sau:

- An toàn lao động – Vệ sinh lao động.
- PCCC – cứu hộ cứu nạn.
- An toàn sử dụng thiết bị áp lực.
- An toàn sử dụng thiết bị điện.

Bên B sẽ phải bổ sung các chứng chỉ theo qui định khi có sự sửa đổi và bổ sung của pháp luật cho Bên A.

ĐIỀU 5: Phương thức xác định giá trị thuê

5.1. Đơn giá hợp đồng thuê

GIÁ THUÊ = Đơn giá thuê x Sản lượng nhận khí của Thép Toàn Hưng

- Đơn giá thuê: **VND/mmBTU** (chưa bao gồm VAT)
- Hai Bên thống nhất giá trị hợp đồng tạm tính là: **VND** (Bằng chữ: đồng), đã bao gồm thuế, phí.
- Khối lượng thực tế tăng/giảm quá 20% so với hợp đồng, hai bên có thể thỏa thuận đơn giá mới cho phần khối lượng tăng (phần giảm áp dụng đơn giá mới cho toàn bộ khối lượng thực tế).

5.2. Phương thức xác định khối lượng dịch vụ:

- Căn cứ Biên bản giao nhận sản lượng với khách hàng theo từng kỳ giữa BÊN A và khách hàng thép Toàn Hưng, Hai BÊN tiến hành lập biên bản để xác nhận khối lượng dịch vụ của BÊN B.

5.3. Phương thức chuyển tiền:

- Phương thức chuyển tiền: bằng chuyển khoản.
- Kỳ chuyển tiền: Định kỳ hàng tháng.
- Trong ngày kết thúc tháng, BÊN B tiến hành phát hóa đơn đầu vào của tháng cho BÊN A và gửi đầy đủ bộ hồ sơ chứng từ tới BÊN A gồm:
 - + Giấy đề nghị chuyển tiền do đại diện có thẩm quyền của BÊN B ký.
 - + Hóa đơn GTGT theo quy định của pháp luật.
 - + Biên bản xác nhận chi phí thuê trong kỳ.
- Trong vòng 30 ngày làm việc kể từ ngày BÊN A nhận đầy đủ bộ hồ sơ chứng từ của BÊN B, BÊN A sẽ chuyển cho BÊN B số tiền ghi trong hóa đơn giá trị gia tăng.
- Trong trường hợp BÊN A chậm thanh toán so với thời hạn quy định, BÊN A sẽ phải trả cho BÊN B một khoản tiền bằng số tiền chậm trả nhân với lãi suất cho vay ngắn hạn áp dụng cho doanh nghiệp do Ngân hàng Thương mại cổ phần Ngoại thương Việt Nam - Hội sở công bố tại thời điểm thanh toán

5.4. Bảo đảm thực hiện hợp đồng

- Bên B thực hiện bảo đảm thực hiện hợp đồng cho Bên A với giá trị: $2 \Rightarrow 3\%$ giá trị hợp đồng VND (Bằng chữ: đồng chẵn). Thời hạn bảo đảm 60 tháng kể từ ngày hợp đồng có hiệu lực Cộng thêm 30 ngày.
- Bên B không được hoàn trả bảo đảm thực hiện hợp đồng trong trường hợp sau đây:
 - + Từ chối thực hiện hợp đồng khi hợp đồng có hiệu lực;
 - + Vi phạm thỏa thuận trong hợp đồng;
 - + Thực hiện hợp đồng chậm tiến độ do lỗi của mình nhưng từ chối gia hạn hiệu lực của bảo đảm thực hiện hợp đồng.

ĐIỀU 6: Các điều kiện thuê và cho thuê hệ thống cấp khí

- Hệ thống cấp khí đã được lắp đặt tại nhà máy của khách hàng thép Toàn Hưng và đưa vào vận hành bởi nhân viên của Bên B.
- Hồ sơ bàn giao khi chạy thử và vận hành hệ thống cấp khí
 - Hồ sơ thiết kế kỹ thuật thi công (Bản vẽ kỹ thuật, thuyết minh hệ thống...)
 - Hồ sơ thiết kế PCCC đã được thẩm duyệt của cơ quan chức năng (Bản gốc)
 - Các chứng chỉ kiểm định an toàn liên quan đến thiết bị và hệ thống cấp khí (Bản gốc)
 - Các giấy phép PCCC (Giấy chứng nhận thẩm duyệt, biên bản nghiệm thu PCCC...) (Bản gốc)
 - Chứng chỉ xuất xứ, chất lượng (CO/CQ) thiết bị, vật tư (đường ống, bộ hoá hơi, van an toàn, van cô lập....) (Bản copy có xác nhận của Bên B).
 - Tài liệu kỹ thuật vật tư, thiết bị kèm theo (Bản copy)
 - Hướng dẫn vận hành bảo dưỡng sửa chữa (Bản copy)
 - Giấy chứng nhận bảo hiểm của Công ty Bảo hiểm cho toàn bộ hệ thống cấp khí trong suốt thời gian thực hiện hợp đồng.
- Bên B phải bảo dưỡng định kỳ và được khách hàng Bên A chấp thuận cho hoạt động sửa chữa, bảo trì, bảo dưỡng của Bên B (không vượt quá 15 ngày/năm). Đảm bảo thiết bị luôn trong tình trạng vận hành tốt không gây gián đoạn quá trình cấp khí cho khách hàng của Bên A.

ĐIỀU 7: Quyền lợi và trách nhiệm các bên

7.1 Quyền và trách nhiệm của BÊN A:

- Cử người đại diện có thẩm quyền để ký Biên bản giao nhận ngày, Biên bản giao nhận tổng hợp và các hồ sơ liên quan đến việc giao nhận LNG.
- Thanh toán cho Bên B đầy đủ, đúng thời hạn như quy định tại Điều 5.
- Phối hợp giải quyết các giấy tờ và thủ tục liên quan để cho phép Bên B đưa toàn bộ thiết bị của mình ra khỏi khuôn viên nhà máy khách hàng trong trường hợp thanh lý hợp đồng.
- Phối hợp với khách hàng tạo mọi điều kiện thuận lợi cho người của Bên B vận hành, kiểm tra, bảo dưỡng, sửa chữa và xử lý mọi công việc có liên quan.
- Cung cấp cho Bên B kế hoạch giao nhận hàng chi tiết (ngày, tháng...) cho khách hàng của Bên A.

7.2 Quyền và trách nhiệm của BÊN B:

7.2.1. Trách nhiệm về cung cấp hồ sơ pháp lý liên quan đến hệ thống cấp khí:

- Cung cấp cho Bên A bản vẽ hoàn công hệ thống cấp khí.
- Cung cấp hệ thống cấp khí đảm bảo tiến độ và nhu cầu sử dụng khí của khách hàng theo quy định trong Hợp đồng.

7.2.2. Trách nhiệm về công tác quản lý kỹ thuật, vận hành, bảo dưỡng sửa chữa hệ thống cấp khí. Bên B có trách nhiệm vận hành an toàn, liên tục và ổn định hệ thống cấp khí trong thời gian hiệu lực của hợp đồng.

- Mua bảo hiểm cháy nổ (bắt buộc), bảo hiểm trách nhiệm về người và tài sản cho hệ thống cấp khí, bảo hiểm trách nhiệm đối với bên thứ ba cho trách nhiệm của cả Bên A, Bên B và khách hàng đối với toàn bộ tài sản của trạm giảm áp PRU.
- Duy trì một số điện thoại đường dây nóng 24/24 để xử lý các tình huống phát sinh trong quá trình vận hành
- Thực hiện công tác kiểm định an toàn kỹ thuật và hiệu chuẩn thiết bị theo quy định của pháp luật trong phạm vi trạm cấp khí.
- Bên B phải đảm bảo hệ thống thiết bị sẵn sàng hoạt động để cung cấp khí theo nhu cầu khách hàng của Bên A 24/24 và đảm bảo cấp khí ổn định, có phương án khắc phục sự cố khẩn cấp và các phương án vận hành dự phòng trong trường hợp sự cố.
- Tuân thủ toàn bộ các quy định của khách hàng trong phạm vi nhà máy.
- Phối hợp và hướng dẫn đơn vị vận chuyển LNG thực hiện các thao tác an toàn, di chuyển an toàn trong phạm vi nhà máy khách hàng.
- Thông báo kịp thời cho Bên A nếu phát hiện hư hỏng thiết bị, rò rỉ khí và bất cứ trường hợp không an toàn nào khác có khả năng ảnh hưởng đến hoạt động cấp khí để phối hợp xử lý, Đồng thời Bên B phải huy động toàn bộ mọi tiềm lực có để xử lý, khắc phục sự cố.

7.2.3. Trách nhiệm trong công tác vận hành hệ thống cấp khí.

- Thay mặt bên A thực hiện công tác giao nhận LNG từ phương tiện vận tải đến khách hàng.
- Bên B tuân thủ các quy định của Bên A và Bên B chịu trách nhiệm trước pháp luật về các quy định quản lý nhà nước, tuân thủ các yêu cầu về công tác PCCC, bảo vệ môi trường....
- Giao LNG cho khách hàng theo khối lượng theo phụ lục 03, chất lượng như quy định trong phụ lục 04 đính kèm.
- Cử người đại diện có thẩm quyền để cùng ký các Biên bản giao nhận ngày, Biên bản giao nhận tổng hợp và các hồ sơ liên quan đến việc giao nhận LNG.
- Lập và gửi bộ chứng từ thanh toán cho Bên A theo quy định tại Điều 5.
- Bên B có trách nhiệm thanh toán mọi chi phí liên quan đến nghĩa vụ của mình trong phạm vi hợp đồng này.
- Bên B chịu trách nhiệm bồi thường toàn bộ giá trị thiệt hại cho khách hàng của Bên A trong trường hợp Bên B vận hành hoặc do thiết bị của Bên B làm gián đoạn cấp khí gây ảnh hưởng đến sản phẩm của khách hàng Bên A.

ĐIỀU 8: BẤT KHẢ KHÁNG

- 8.1. Trong các trường hợp nếu một trong Hai BÊN không thực hiện được trách nhiệm của mình trong HỢP ĐỒNG này do những nguyên nhân khách quan ngoài sự kiểm soát của mình (được gọi là Bất Khả Kháng) bao gồm nhưng không giới hạn các trường hợp sau:

- Chiến tranh, thiên tai, hỏa hoạn, bao vây phong tỏa, đình công, bạo loạn, phá hoại, bệnh dịch;
- Các sự cố làm ảnh hưởng đến việc cung cấp khí của các Nhà Cung Cấp Khí đầu nguồn;
- Các Hợp đồng giữa BÊN A với các Nhà Cung Cấp Khí đầu nguồn bị chấm dứt không phải do lỗi của BÊN A mà do sự thay đổi các chính sách, qui định của Nhà nước, Tập đoàn dầu khí Việt Nam, Tổng Công ty khí Việt Nam hoặc cấp có thẩm quyền có ảnh hưởng trực tiếp đến quá trình sản xuất, kinh doanh và vận chuyển của các bên hoặc sự thay đổi chủ trương của Nhà nước liên quan đến hoạt động của các mỏ khí.
- Khách hàng của BÊN A không tiếp tục sử dụng khí do BÊN A cung cấp.
- Sự thay đổi chủ trương của nhà nước, tập đoàn dầu khí Việt Nam, Tổng Công ty khí Việt Nam cắt giảm sản lượng theo chỉ đạo của Chính phủ cho Chương trình An ninh năng lượng Quốc gia ưu tiên nguồn khí cung cấp cho các Nhà máy Điện, Đạm.

thì BÊN đó được miễn trách nhiệm bồi thường cho BÊN kia các tổn thất gây ra bởi Bất Khả Kháng và được tạm hoãn trách nhiệm thực hiện HỢP ĐỒNG trừ trách nhiệm thanh toán như qui định trong Điều 5 cho đến khi kết thúc Bất Khả Kháng.

8.2. Hai BÊN được quyền chấm dứt HỢP ĐỒNG nếu xảy ra bất khả kháng như các trường hợp trên và miễn trừ trách nhiệm bồi thường cho BÊN còn lại.

8.3. BÊN bị ảnh hưởng bởi Bất Khả Kháng có trách nhiệm:

- Ngay lập tức thông báo bằng điện thoại và sau đó sớm nhất nhưng không muộn hơn bốn mươi tám (48) giờ phải gửi thông báo chính thức bằng văn bản cho BÊN kia hoàn cảnh xảy ra và tính chất của Bất Khả Kháng; những biện pháp khẩn cấp đã thực hiện để hạn chế tác hại của Bất Khả Kháng.
- Trong vòng mười lăm (15) ngày sau khi xảy ra Bất Khả Kháng gửi cho BÊN kia báo cáo chi tiết về hoàn cảnh, sự kiện xảy ra Bất Khả Kháng, mức độ thiệt hại do nó gây ra, biện pháp và thời gian dự kiến cần thiết cho việc xử lý và khắc phục các hậu quả;
- Tạo điều kiện thuận lợi cho BÊN kia kiểm tra hiện trường xảy ra Bất Khả Kháng;
- Ngay lập tức tiếp tục thực hiện trách nhiệm HỢP ĐỒNG khi Bất Khả Kháng kết thúc.
- Nếu Bất Khả Kháng cứ tiếp diễn hoặc có khả năng tiếp diễn, BÊN bị ảnh hưởng phải thông báo ngay cho BÊN kia biết trong một thời gian hợp lý sớm nhất và lập kế hoạch để khắc phục sự cố để tiếp tục thực hiện nghĩa vụ theo quy định.
- Các trường hợp vi phạm Hợp Đồng khác nếu không thuộc các Trường hợp nêu trên, bên vi phạm có trách nhiệm bồi thường các thiệt hại xảy ra đối với bên vi phạm, đồng thời bên vi phạm sẽ chịu khoản phạt vi phạm Hợp Đồng cho bên bị vi phạm với giá trị tương ứng 8% giá trị phần nghĩa vụ Hợp Đồng vi phạm. Bên bị vi phạm có nghĩa vụ chứng minh các thiệt hại của mình và cung cấp cho bên vi phạm

làm căn cứ bồi thường. Việc bồi thường thực hiện theo các quy định hiện hành của pháp luật Việt Nam.

ĐIỀU 9: TRANH CHẤP VÀ GIẢI QUYẾT TRANH CHẤP

- Các tranh chấp xảy ra Hai BÊN sẽ chủ động bàn bạc giải quyết trên cơ sở thương lượng bình đẳng cùng có lợi.
- Trong trường hợp nội dung tranh chấp không thể giải quyết thông qua thương lượng HAI BÊN thống nhất chuyển vụ việc tới Tòa án nhân dân thành phố Hà Nội (Tòa kinh tế) là cơ quan có thẩm quyền giải quyết;
- Các chi phí liên quan đến việc giải quyết tranh chấp (kiểm tra, xác minh và lệ phí tòa án) sẽ do BÊN có lỗi chịu theo quyết định của tòa án;
- Trong quá trình giải quyết tranh chấp nêu trên, HAI BÊN có nghĩa vụ tiếp tục thực hiện HỢP ĐỒNG nếu như không có thỏa thuận nào khác của HAI BÊN về tạm dừng hoặc chấm dứt hợp đồng.
- Luật áp dụng cho giải quyết các Tranh Chấp là Luật của Nước Cộng hòa Xã hội Chủ nghĩa Việt Nam.

ĐIỀU 10: CHẤM DỨT HỢP ĐỒNG

10.1. Các Bên có quyền chấm dứt HỢP ĐỒNG trong các trường hợp sau:

- (i) BÊN A vi phạm các quy định tại khoản 7.1.
- (ii) BÊN B vi phạm các quy định tại khoản 7.2.

10.2. Trong trường hợp Các Bên chấm dứt HỢP ĐỒNG theo 10.1 (i); 10.1 (ii) thì BÊN này phải thông báo cho BÊN kia bằng văn bản trước 15 ngày và Ngày Chấm Dứt HỢP ĐỒNG sẽ là ngày thứ mười lăm (15) kể từ ngày thông báo được gửi đi bằng văn bản. Việc chấm dứt HỢP ĐỒNG sẽ không miễn trừ nghĩa vụ của cả hai BÊN đối với những khoản phải trả phát sinh trước thời điểm chấm dứt sớm HỢP ĐỒNG.

ĐIỀU 11: BẢO MẬT

Các BÊN đều không được phép nếu không có sự đồng ý bằng văn bản của BÊN kia tiết lộ cho BÊN thứ ba mọi bí mật thương mại, kỹ thuật, hiểu biết hoặc các thông tin liên quan đến HỢP ĐỒNG này trong suốt Thời Hạn Hợp Đồng và kể cả sau khi chấm dứt HỢP ĐỒNG.

ĐIỀU 12: Điều khoản chung

Hợp đồng này bao gồm các Điều kiện và Điều khoản của hợp đồng (Từ Điều 1 đến Điều 12) và các phụ lục (Phụ lục số 1, 2,3,4), những Phụ lục này lập thành một phần của hợp đồng và là phần không thể tách rời của hợp đồng.

Hai Bên cam kết không tiết lộ các Điều kiện, Điều khoản và Phụ lục của hợp đồng này cho Bên thứ ba nếu không được sự đồng ý bằng văn bản của Bên kia.

Những vấn đề không được qui định hoặc qui định không đầy đủ trong hợp đồng này sẽ được tuân thủ theo Bộ luật dân sự, luật Thương mại nước CHXHCN Việt Nam, các qui định, luật pháp hiện hành của Nhà nước.

Hai Bên cam kết thực hiện những Điều kiện, Điều khoản đã ghi trong hợp đồng. Trong quá trình thực hiện hợp đồng, nếu có xảy ra tranh chấp, hai Bên sẽ giải quyết tranh chấp trên tinh thần thương lượng, hòa giải. Trường hợp không thương lượng được các tranh chấp sẽ được đưa ra Tòa án Nhân dân có thẩm quyền nơi Bên A đặt trụ sở để giải quyết. Quyết định của Tòa án là quyết định sau cùng có giá trị ràng buộc hai Bên, án phí sẽ do Tòa án quyết định.

Hợp đồng này được lập thành 04 (bốn) bản có giá trị pháp lý như nhau, mỗi Bên giữ 02 (hai) bản làm cơ sở thực hiện.

ĐẠI DIỆN BÊN A

ĐẠI DIỆN BÊN B

PHỤ LỤC SỐ 1

Số/2025/CNGNORTH-

BIÊN BẢN GIAO NHẬN TỔNG HỢP

Thời gian ký biên bản:	Biên bản số:
Địa điểm ký biên bản:	Ngày tháng:

THÀNH PHẦN THAM GIA			
Đại diện Bên		Đại diện Bên	
1		1	
2		2	
3		3	

LƯỢNG KHÍ GIAO NHẬN THÁNG		
Bắt đầu từ:h.....ngày...../...../..... đến.....h.....ngày...../...../.....		
	Sm ³	MMBTU
Tổng lượng LNG giao nhận tháng (được ghi nhận theo Biên bản giao nhận ngày)		

Biên bản này được lập 02 bản, mỗi bên giữ 01 bản có giá trị như nhau.

ĐẠI DIỆN BÊN A

ĐẠI DIỆN BÊN B

PHỤ LỤC SỐ 2
Số/2025/CNGNORTH-
DANH MỤC THIẾT BỊ CHÍNH

PHỤ LỤC 03
KHỐI LƯỢNG DỊCH VỤ DỰ KIẾN VÀ GIÁ TRỊ HỢP ĐỒNG TẠM TÍNH
(Hợp đồng số: /)

TT	Mô tả dịch vụ	Đơn vị tính	Thời gian	Khối lượng (mmBTU)	Đơn giá (VND/mmBTU)	Thành tiền (Cột 4x5x6)
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)
1	Thuê hệ thống cấp khí LNG	mmBTU	60 tháng	553,846.15		
Thuế						
Tổng cộng giá trị hợp đồng tạm tính						

Giá trị hợp đồng tạm tính:VND, (Bằng chữ:, đã bao gồm thuế GTGT và toàn bộ các chi phí trực tiếp và gián tiếp liên quan.)

PHỤ LỤC 04
ĐẶC TÍNH KỸ THUẬT KHÍ LNG

STT	Tên chỉ tiêu	Đơn vị	Yêu cầu	Phương pháp thử
1	Thành phần			ASTM D1945; ISO 6974; GPA 2286; GPA 2261 hoặc các tiêu chuẩn tương đương
	Mêtan	% mol	Tối thiểu 84	
	Êtan và thành phần nặng hơn (C ₂₊)	% mol	Số liệu thông báo	
	Nitơ	% mol	Tối đa 2	
2	Hàm lượng H ₂ S	ppmv	Tối đa 8	ASTM D4810; ASTM D5504; GPA 2377 hoặc các tiêu chuẩn tương đương
3	Hàm lượng lưu huỳnh tổng hợp	ppmv	Tối đa 30	ASTM D5504; ASTM D4810 hoặc các tiêu chuẩn tương đương
4	Khối lượng riêng (density)	Kg/m ³	420 – 480	ISO 6578; ISO 6976 hoặc các tiêu chuẩn tương đương
5	Nhiệt trị toàn phần (GHV)	MJ/Sm ³ (Btu/Scf)	37 – 47 (933 - 1261)	ASTM D3588; ISO 6578; ISO 6976 hoặc các tiêu chuẩn tương đương

Ghi chú: Đặc tính kỹ thuật theo tiêu chuẩn cơ sở TCCS 10:2023/PV GAS.

BẢO LÃNH THỰC HIỆN HỢP ĐỒNG(1)

_____, ngày ____ tháng ____ năm ____
 Kính gửi: _____ [ghi tên Bên mời thầu]
 (sau đây gọi là Bên mời thầu)

Theo đề nghị của _____ [ghi tên Nhà thầu] (sau đây gọi là Nhà thầu) là Nhà thầu đã trúng thầu gói thầu _____ [ghi tên gói thầu] và cam kết sẽ ký kết hợp đồng cung cấp dịch vụ cho gói thầu trên (sau đây gọi là hợp đồng);⁽²⁾

Theo quy định trong HSMT (hoặc hợp đồng), Nhà thầu phải nộp cho Bên mời thầu bảo lãnh của một ngân hàng với một khoản tiền xác định để bảo đảm nghĩa vụ và trách nhiệm của mình trong việc thực hiện hợp đồng;

Chúng tôi, _____ [ghi tên của ngân hàng] ở _____ [ghi tên quốc gia hoặc vùng lãnh thổ] có trụ sở đăng ký tại _____ [ghi địa chỉ của ngân hàng⁽³⁾] (sau đây gọi là “Ngân hàng”), xin cam kết bảo lãnh cho việc thực hiện hợp đồng của Nhà thầu với số tiền là _____ [ghi rõ giá trị tương ứng bằng số, bằng chữ và đồng tiền sử dụng theo quy định tại Mục 6.1 ĐKCT của HSMT]. Chúng tôi cam kết thanh toán vô điều kiện, không hủy ngang cho Bên mời thầu bất cứ khoản tiền nào trong giới hạn _____ [ghi số tiền bảo lãnh] như đã nêu trên, khi có văn bản của Bên mời thầu thông báo Nhà thầu vi phạm hợp đồng trong thời hạn hiệu lực của bảo lãnh thực hiện hợp đồng.

Bảo lãnh này có hiệu lực kể từ ngày phát hành cho đến hết ngày ____ tháng ____ năm ____⁽⁴⁾.

Đại diện hợp pháp của ngân hàng
 [ghi tên, chức danh, ký tên và đóng dấu]

Ghi chú:

(1) Chỉ áp dụng trong trường hợp biện pháp bảo đảm thực hiện hợp đồng là thư bảo lãnh của ngân hàng hoặc tổ chức tài chính.

(2) Nếu ngân hàng bảo lãnh yêu cầu phải có hợp đồng đã ký mới cấp giấy bảo lãnh thì CNMB sẽ báo cáo Bên mời thầu xem xét, quyết định. Trong trường hợp này, đoạn trên có thể sửa lại như sau:

“Theo đề nghị của _____ [ghi tên Nhà thầu] (sau đây gọi là Nhà thầu) là Nhà thầu trúng thầu gói thầu _____ [ghi tên gói thầu] đã ký hợp đồng số _____ [ghi số hợp đồng] ngày ____ tháng ____ năm (sau đây gọi là Hợp đồng).”

(3) Địa chỉ ngân hàng: ghi rõ địa chỉ, số điện thoại, số fax, e-mail để liên hệ.

(4) Ghi thời hạn phù hợp với yêu cầu quy định tại Mục 6.1 ĐKCT.